VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 04/2019/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2019 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thái Bình

(Tiếp theo Công báo số 669 + 670)

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THÁI BÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THÁI BÌNH

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Quý	DC	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 31"	106° 23' 34"					F-48-81-D-b
thôn Đại Đồng	DC	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 43' 05"	106° 23' 26"					F-48-81-D-b
thôn Hiệp Lực	DC	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 41"	106° 23' 59"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lộng Khê 1	DC	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 59"	106° 23' 42"					F-48-81-D-b
thôn Lộng Khê 2	DC	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 43' 05"	106° 23' 55"					F-48-81-D-b
thôn Lộng Khê 3	DC	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 43' 01"	106° 24' 01"					F-48-81-D-b
thôn Lộng Khê 4	DC	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 55"	106° 23' 58"					F-48-81-D-b
thôn Lộng Khê 5	DC	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 50"	106° 23' 53"					F-48-81-D-b
chùa Ngọc Động	KX	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 43' 11"	106° 24' 05"					F-48-81-D-b
đền Lộng Khê	KX	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 48"	106° 23' 49"					F-48-81-D-b
đình Hiệp Lực	KX	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 42"	106° 23' 55"					F-48-81-D-b
tuyến đò An Khê	KX	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 43' 14"	106° 23' 43"					F-48-81-D-b
tuyến đò Lộng Khê 3	KX	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 43' 09"	106° 24' 48"					F-48-81-D-b
Sông Hóa	TV	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã An Khê	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-D-b
thôn Đào Động	DC	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 44"	106° 23' 59"					F-48-81-D-b
thôn Đồng Bằng	DC	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 30"	106° 23' 31"					F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
thôn Đồng Phúc	DC	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 53"	106° 24' 05"					F-48-81-D-b
thôn Hưng Hòa	DC	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 08"	106° 23' 30"					F-48-81-D-b
cầu Đồng Bằng	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 50"	106° 23' 46"					F-48-81-D-b
Cầu Vật	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 24"	106° 23' 13"					F-48-81-D-d
đền Đồng Bằng	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 38"	106° 23' 03"					F-48-81-D-b
đền Mẫu Sinh	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 38"	106° 23' 40"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Quan Điều Thất	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 49"	106° 23' 01"					F-48-81-D-b
đền Quan Lớn Đệ Bát	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 24"	106° 23' 18"					F-48-81-D-d
đền Quan Lớn Đệ Nhất	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 08"	106° 24' 13"					F-48-81-D-b
đền Quan Lớn Đệ Nhị	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 51"	106° 23' 47"					F-48-81-D-d
đền Quan Lớn Đệ Tam	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 05"	106° 24' 09"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 455	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-b
Khu di tích đình, chùa Hưng Phúc	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 11"	106° 23' 18"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
Sông Cô	TV	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-b
sông Diêm Hộ	TV	xã An Lễ	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
thôn Tô Đàm	DC	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 10"	106° 26' 13"					F-48-81-D-d
thôn Tô Đê	DC	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 27"	106° 26' 23"					F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
thôn Tô Hải	DC	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 08"	106° 25' 46"					F-48-81-D-d
thôn Tô Hồ	DC	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 41"	106° 26' 12"					F-48-81-D-b
thôn Tô Trang	DC	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 57"	106° 26' 54"					F-48-81-D-d
thôn Tô Xuyên	DC	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 30"	106° 26' 04"					F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
Chợ Tò	KX	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 31"	106° 26' 04"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Tô Hải	KX	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 12"	106° 25' 47"					F-48-81-D-d
lăng Hưng Nghĩa Hầu	KX	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 28"	106° 26' 24"					F-48-81-D-d
miếu Tô Đàm	KX	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 06"	106° 26' 29"					F-48-81-D-d
tuyến đò Cống Láng	KX	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 04"	106° 27' 35"					F-48-81-D-d
tuyến đò Lác	KX	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 43"	106° 27' 04"					F-48-81-D-b
tuyến đò Phần	KX	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 57"	106° 27' 45"					F-48-81-D-d
Sông Cô	TV	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
Sông Hóa	TV	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã An Mỹ	H. Quỳnh Phụ			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-81-D-d
thôn An Ninh	DC	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 43"	106° 24' 35"					F-48-81-D-b
thôn Dục Linh 1	DC	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 33"	106° 25' 06"					F-48-81-D-b
thôn Dục Linh 2	DC	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 41"	106° 24' 55"					F-48-81-D-b
thôn Kiến Quan	DC	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 53"	106° 24' 11"					F-48-81-D-b
thôn Lương Cả	DC	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 20"	106° 24' 27"					F-48-81-D-b
thôn Năm Thành	DC	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 01"	106° 24' 45"					F-48-81-D-b
thôn Phố Lầy	DC	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 32"	106° 24' 42"					F-48-81-D-b
thôn Vạn Phúc	DC	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 24"	106° 24' 41"					F-48-81-D-b
Cầu Đen	KX	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 27"	106° 24' 15"					F-48-81-D-b
đình Vạn Phúc	KX	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 21"	106° 24' 45"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện 72B	KX	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 52"	106° 24' 50"	20° 39' 03"	106° 23' 19"	F-48-81-D-b
Đền Giành	KX	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 45"	106° 24' 31"					F-48-81-D-b
Khu di tích đình, chùa Giành	KX	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 40"	106° 24' 23"					F-48-81-D-b
miếu Kiến Quan	KX	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 00"	106° 24' 01"					F-48-81-D-b
Sông Cô	TV	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-b
Sông Hóa	TV	xã An Ninh	H. Quỳnh Phụ			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
thôn Đồng Ấu	DC	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 23"	106° 23' 33"					F-48-81-D-b
thôn Đông Hải	DC	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 44"	106° 23' 33"					F-48-81-D-b
thôn Lai Ổn	DC	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 50"	106° 23' 10"					F-48-81-D-b
thôn Mai Trang	DC	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 46"	106° 23' 55"					F-48-81-D-b
Thôn Mỹ	DC	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 11"	106° 23' 02"					F-48-81-D-b
Thôn Sài	DC	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 31"	106° 22' 56"					F-48-81-D-b
chùa Thiên Trúc	KX	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 45"	106° 23' 55"					F-48-81-D-b
Cầu Láp	KX	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 02"	106° 22' 47"					F-48-81-D-b
Chợ Láp	KX	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 07"	106° 22' 53"					F-48-81-D-b
đền Quan Điều Thất	KX	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 56"	106° 22' 56"					F-48-81-D-b
Đường huyện 72B	KX	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 52"	106° 24' 50"	20° 39' 03"	106° 23' 19"	F-48-81-D-b
Đình Sài	KX	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 27"	106° 22' 55"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 455	KX	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-b
Sông Cô	TV	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Diêm Hộ	TV	xã An Quý	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-b
thôn A Sào	DC	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 04"	106° 23' 42"					F-48-81-D-b
Thôn Hạ	DC	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 39"	106° 22' 50"					F-48-81-D-b
thôn Thái Thuần	DC	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 28"	106° 22' 40"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-b
Thôn Thượng	DC	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 50"	106° 23' 16"					F-48-81-D-b
Thôn Trung	DC	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 39"	106° 23' 07"					F-48-81-D-b
Di tích lịch sử Bến tượng A Sào	KX	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 23"	106° 23' 54"					F-48-81-D-b
đền A Sào	KX	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 17"	106° 23' 40"					F-48-81-D-b
đình A Sào	KX	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 01"	106° 23' 38"					F-48-81-D-b
Đình Hạ	KX	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 43"	106° 22' 47"					F-48-81-D-b
Đình Thượng	KX	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 51"	106° 23' 11"					F-48-81-D-b
Đình Trung	KX	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 42"	106° 23' 07"					F-48-81-D-b
lăng mộ Cao Ma Lâu	KX	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 47"	106° 23' 09"					F-48-81-D-b
Sông Hóa	TV	xã An Thái	H. Quỳnh Phụ			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
Thôn Đông	DC	xã An Thanh	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 09"	106° 26' 32"					F-48-81-D-b
thôn Minh Đức	DC	xã An Thanh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 56"	106° 26' 45"					F-48-81-D-b
thôn Thanh Mai	DC	xã An Thanh	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 31"	106° 26' 20"					F-48-81-D-b
Thôn Thượng	DC	xã An Thanh	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 06"	106° 25' 57"					F-48-81-D-b
đình Thôn Đông	KX	xã An Thanh	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 13"	106° 26' 34"					F-48-81-D-b
miếu Thôn Đông	KX	xã An Thanh	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 14"	106° 26' 40"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Cô	TV	xã An Thanh	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-b
Sông Hóa	TV	xã An Thanh	H. Quỳnh Phụ			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
thôn Hồng Phong	DC	xã An Tràng	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 52"	106° 25' 12"					F-48-81-D-d
Thôn Thượng	DC	xã An Tràng	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 22"	106° 24' 07"					F-48-81-D-d
Thôn Tràng	DC	xã An Tràng	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 58"	106° 24' 33"					F-48-81-D-d
Thôn Trung	DC	xã An Tràng	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 06"	106° 24' 10"					F-48-81-D-d
chùa Thiên Phú	KX	xã An Tràng	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 56"	106° 24' 18"					F-48-81-D-d
đền Hồng Phong	KX	xã An Tràng	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 42"	106° 25' 08"					F-48-81-D-d
tuyến đò Vàng	KX	xã An Tràng	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 54"	106° 23' 54"					F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã An Tràng	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
thôn An Lạc 1	DC	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 48"	106° 22' 01"					F-48-81-D-a
thôn An Lạc 2	DC	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 34"	106° 22' 01"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
thôn An Lạc 3	DC	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 19"	106° 21' 52"					F-48-81-D-c
thôn Gia Hòa 1	DC	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 01"	106° 22' 26"					F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
thôn Gia Hòa 2	DC	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 49"	106° 22' 15"					F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
thôn Hưng Đạo 1	DC	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 31"	106° 22' 34"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-b, F-48-81-D-c, F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hưng Đạo 2	DC	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 24"	106° 22' 23"					F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
thôn Hương Hòa	DC	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 13"	106° 22' 07"					F-48-81-D-c
chùa Cổ Tuyết (chùa Cao Lăng)	KX	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 45"	106° 21' 47"					F-48-81-D-a
đền Tứ Phủ Công Đồng	KX	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 38"	106° 22' 54"					F-48-81-D-b
đình Cổ Tiết	KX	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 26"	106° 22' 04"					F-48-81-D-c
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-D-c
miếu Thánh Cả	KX	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 34"	106° 22' 07"					F-48-81-D-a
sông Cầu Sa	TV	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 09"	106° 19' 53"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
sông Diêm Hộ	TV	xã An Vinh	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-b
thôn Đại Điền	DC	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 52"	106° 24' 36"					F-48-81-D-b
thôn Vọng Lỗ	DC	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 08"	106° 24' 22"					F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
thôn Vũ Hạ	DC	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 29"	106° 24' 32"					F-48-81-D-b
Xóm 3	DC	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 54"	106° 24' 44"					F-48-81-D-b
Cầu Môi	KX	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 46"	106° 25' 02"					F-48-81-D-b
đền Vũ Hạ	KX	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 25"	106° 24' 23"					F-48-81-D-b
đình Vũ Hạ	KX	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 25"	106° 24' 29"					F-48-81-D-b
Đình Chợ	KX	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 10"	106° 24' 26"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 455	KX	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
Miếu Go	KX	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 05"	106° 23' 59"					F-48-81-D-d
Quốc lộ 10	KX	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-b
từ đường họ Phạm	KX	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 52"	106° 24' 45"					F-48-81-D-b
Sông Cô	TV	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-b
sông Diêm Hộ	TV	xã An Vũ	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
thôn An Vị	DC	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 50"	106° 23' 13"					F-48-81-D-d
thôn Dụ Đại 1	DC	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 02"	106° 21' 48"					F-48-81-D-c
thôn Dụ Đại 2	DC	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 57"	106° 21' 36"					F-48-81-D-c
thôn Dụ Đại 3	DC	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 48"	106° 21' 44"					F-48-81-D-c
thôn Đồng Cừ	DC	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 05"	106° 22' 36"					F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
thôn Đồng Kỷ	DC	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 43"	106° 23' 08"					F-48-81-D-d
thôn Lệ Bảo	DC	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 32"	106° 23' 21"					F-48-81-D-d
thôn Vũ Tiến	DC	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 43"	106° 22' 17"					F-48-81-D-c
Cầu Sộp	KX	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 42"	106° 22' 14"					F-48-81-D-c
Cầu Vật	KX	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 24"	106° 23' 13"					F-48-81-D-d
đền Mẫu Thượng	KX	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 50"	106° 23' 22"					F-48-81-D-d
đền Quan Đệ Nhị	KX	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 24"	106° 23' 41"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 396B	KX	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 31"	106° 18' 09"	20° 35' 23"	106° 22' 05"	F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-D-c
Đền Đợi	KX	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 31"	106° 21' 39"					F-48-81-D-c
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-81-D-c, F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã Đông Hải	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
thôn Bất Nạo	DC	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 38"	106° 26' 03"					F-48-81-D-d
thôn Cao Mộc	DC	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 14"	106° 25' 29"					F-48-81-D-d
thôn Cổ Đẳng	DC	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 34' 36"	106° 26' 08"					F-48-81-D-d
thôn Đò Neo	DC	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 11"	106° 25' 46"					F-48-81-D-d
thôn Đông Hòe	DC	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 25"	106° 26' 24"					F-48-81-D-d
thôn Quan Đình Bắc	DC	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 15"	106° 26' 32"					F-48-81-D-d
thôn Quan Đình Nam	DC	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 06"	106° 26' 33"					F-48-81-D-d
đền Bất Nạo	KX	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 44"	106° 26' 06"					F-48-81-D-d
đình Đông Tiêm	KX	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 31"	106° 26' 17"					F-48-81-D-d
Đình Bền	KX	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 13"	106° 26' 20"					F-48-81-D-d
Đình Vàng	KX	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 17"	106° 26' 22"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 455	KX	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-d
miếu Cổ Đẳng	KX	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 34' 37"	106° 25' 57"					F-48-81-D-d
miếu Đông Đà	KX	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 29"	106° 26' 31"					F-48-81-D-d
miếu Hòe Thị	KX	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ	20° 35' 23"	106° 26' 17"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Diêm Hộ	TV	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
Sông Cô	TV	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-d
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Đồng Tiến	H. Quỳnh Phụ			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-81-D-d
thôn Đông Hồng	DC	xã Quỳnh Bảo	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 35"	106° 18' 51"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
thôn Nam Đài	DC	xã Quỳnh Bảo	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 49"	106° 18' 37"					F-48-81-D-a
thôn Ngọc Chi	DC	xã Quỳnh Bảo	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 21"	106° 19' 33"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
thôn Sơn Hòa	DC	xã Quỳnh Bảo	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 04"	106° 18' 48"					F-48-81-D-a
đình Nam Đài	KX	xã Quỳnh Bảo	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 44"	106° 18' 43"					F-48-81-D-a
đình Ngọc Chi	KX	xã Quỳnh Bảo	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 27"	106° 19' 35"					F-48-81-D-c
Đường tỉnh 455	KX	xã Quỳnh Bảo	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-a
miếu Vua Ông	KX	xã Quỳnh Bảo	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 30"	106° 18' 46"					F-48-81-D-c
sông Yên Lộng	TV	xã Quỳnh Bảo	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
thôn Châu Duyên	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 00"	106° 17' 28"					F-48-81-D-a
thôn Hoàng Xá	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 29"	106° 17' 16"					F-48-81-D-a
thôn Khả Lang	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 09"	106° 17' 43"					F-48-81-D-a
thôn Mỹ Xá	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 42"	106° 17' 02"					F-48-81-D-a
thôn Phục Lễ	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 35"	106° 17' 10"					F-48-81-D-a
Khu di tích đình, chùa Khả Lang	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 07"	106° 17' 42"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu di tích đình, chùa Mỹ Xá	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 42"	106° 17' 03"					F-48-81-D-a
Khu di tích đình, miếu Hoàng Xá	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 32"	106° 17' 15"					F-48-81-D-a
thôn An Bái	DC	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 39"	106° 18' 25"					F-48-81-D-a
thôn An Hiệp	DC	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 15"	106° 18' 32"					F-48-81-D-a
thôn Bến Hiệp	DC	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 18"	106° 18' 07"					F-48-81-D-a
thôn Đồng Ngậu	DC	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 20"	106° 18' 16"					F-48-81-D-a
thôn Hào Long	DC	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 23"	106° 18' 48"					F-48-81-D-a
thôn Sơn Đồng	DC	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 03"	106° 18' 45"					F-48-81-D-a
chùa Sơn Đồng	KX	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 59"	106° 18' 37"					F-48-81-D-a
Cầu Dầu	KX	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 12"	106° 18' 15"					F-48-81-D-a
Cầu Đen	KX	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 15"	106° 18' 05"					F-48-81-D-a
Cầu Hiệp	KX	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 31"	106° 18' 09"					F-48-81-D-a
đình Sơn Đồng	KX	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 09"	106° 18' 53"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396B	KX	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 31"	106° 18' 09"	20° 35' 23"	106° 22' 05"	F-48-81-D-a
Đường tỉnh 452	KX	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-D-a
nhà thờ họ Nguyễn Quang	KX	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 14"	106° 18' 30"					F-48-81-D-a
sông Yên Lộng	TV	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-D-a
Sông Sành	TV	xã Quỳnh Giao	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 15"	106° 18' 05"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a
thôn An Phú 1 (Làng Đó)	DC	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 42"	106° 20' 11"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Phú 2 (Làng Đó)	DC	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 51"	106° 20' 16"					F-48-81-D-a
thôn Cầu Xá (Làng Gòi)	DC	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 19"	106° 20' 43"					F-48-81-D-a
thôn Đoàn Xá	DC	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 32"	106° 19' 47"					F-48-81-D-a
thôn Lê Xá	DC	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 19"	106° 20' 11"					F-48-81-D-a
thôn Quảng Bá	DC	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 14"	106° 19' 32"					F-48-81-D-a
thôn Xuân Trạch (thôn Đồng Trạch)	DC	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 46"	106° 20' 43"					F-48-81-D-a
cầu Xuân Trạch	KX	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 41"	106° 21' 00"					F-48-81-D-a
chùa An Phú	KX	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 49"	106° 20' 11"					F-48-81-D-a
đình An Phú	KX	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 48"	106° 20' 15"					F-48-81-D-a
đình Cầu Xá	KX	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 15"	106° 20' 44"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396B	KX	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 31"	106° 18' 09"	20° 35' 23"	106° 22' 05"	F-48-81-D-a
Đường tỉnh 455	KX	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-a
Khu di tích đình, chùa Lê Xá	KX	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 15"	106° 20' 10"					F-48-81-D-a
miếu An Phú	KX	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 46"	106° 20' 08"					F-48-81-D-a
miếu Cầu Xá	KX	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 15"	106° 20' 46"					F-48-81-D-a
Sông Sành	TV	xã Quỳnh Hải	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 15"	106° 18' 05"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a
thôn An Lộng 1	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 05"	106° 17' 56"					F-48-81-D-a
thôn An Lộng 2	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 11"	106° 17' 53"					F-48-81-D-a
thôn An Lộng 3	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 07"	106° 17' 48"					F-48-81-D-a
thôn An Trực	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 20"	106° 17' 01"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cần Phán	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 22"	106° 17' 12"					F-48-81-D-a
thôn Đào Xá	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 23"	106° 17' 23"					F-48-81-D-a
thôn Đồng Niên	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 57"	106° 16' 45"					F-48-81-D-a
thôn Đồng Trực	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 12"	106° 16' 50"					F-48-81-D-a
thôn Hạ Phán	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 57"	106° 16' 24"					F-48-81-D-a
thôn Liên Hiệp	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 03"	106° 16' 31"					F-48-81-D-a
thôn Ngọc Minh	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 20"	106° 16' 51"					F-48-81-D-a
thôn Ngõ Mưa	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 56"	106° 17' 01"					F-48-81-D-a
thôn Thượng Phán	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 03"	106° 16' 24"					F-48-81-D-a
thôn Trại Vàng	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 17"	106° 17' 10"					F-48-81-D-a
thôn Vạn Niên	DC	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 35"	106° 16' 37"					F-48-81-D-a
đình An Lộng	KX	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 00"	106° 17' 56"					F-48-81-D-a
đình Ngõ Mưa	KX	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 55"	106° 16' 58"					F-48-81-D-a
Khu di tích đình, miếu Vạn Niên	KX	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 32"	106° 16' 38"					F-48-81-D-a
làng nghề Đúc đồng An Lộng	KX	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 09"	106° 17' 49"					F-48-81-D-a
từ đường Đoàn Nguyên Phổ	KX	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 02"	106° 16' 26"					F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-D-a
sông Yên Lộng	TV	xã Quỳnh Hoàng	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-a
thôn Bái Trang	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 21"	106° 19' 58"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bồ Trang 1	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 38"	106° 20' 17"					F-48-81-D-a
thôn Bồ Trang 2	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 31"	106° 20' 05"					F-48-81-D-a
thôn Bồ Trang 3	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 50"	106° 20' 06"					F-48-81-D-a
thôn Ngọc Quế 1	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 23"	106° 19' 04"					F-48-81-D-a
thôn Ngọc Quế 2	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 28"	106° 19' 10"					F-48-81-D-a
thôn Ngọc Quế 3	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 25"	106° 19' 18"					F-48-81-D-a
thôn Ngọc Quế 4	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 40"	106° 19' 10"					F-48-81-D-a
thôn Ngọc Quế 5	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 40"	106° 19' 21"					F-48-81-D-a
đền Ngọc Quế	KX	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 45"	106° 19' 19"					F-48-81-D-a
đền Vua Ông	KX	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 12"	106° 20' 25"					F-48-81-D-a
đình Bồ Trang	KX	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 37"	106° 20' 03"					F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-D-a
Sông Sành	TV	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 15"	106° 18' 05"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a
thôn Đông Xá	DC	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 35"	106° 21' 12"					F-48-81-D-a
thôn Lương Mỹ	DC	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 06"	106° 21' 00"					F-48-81-D-a
thôn Nguyên Xá	DC	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 03"	106° 21' 08"					F-48-81-D-a
thôn Phụng Công	DC	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 23"	106° 21' 26"					F-48-81-D-a
thôn Tân Hóa	DC	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 12"	106° 21' 53"					F-48-81-D-a
cầu Bạch Đằng	KX	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 44"	106° 21' 38"					F-48-81-D-a
chùa Phụng Công	KX	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 23"	106° 21' 17"					F-48-81-D-a
Cầu Và	KX	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 04"	106° 22' 06"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Quận Công	KX	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 07"	106° 21' 06"					F-48-81-D-a
đình Lương Mỹ	KX	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 08"	106° 20' 57"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 455	KX	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-a
sông Cầu Sa	TV	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 09"	106° 19' 53"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
Sông Sành	TV	xã Quỳnh Hội	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 15"	106° 18' 05"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a
thôn Bình Ngọc	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 12"	106° 19' 33"					F-48-81-D-a
thôn Đồn Xá	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 25"	106° 20' 27"					F-48-81-D-a
thôn La Vân 1	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 00"	106° 19' 37"					F-48-81-D-a
thôn La Vân 2	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 24"	106° 19' 41"					F-48-81-D-a
thôn La Vân 3	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 31"	106° 19' 32"					F-48-81-D-a
thôn Lương Cụ Bắc	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 48"	106° 19' 18"					F-48-81-D-a
thôn Lương Cụ Nam	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 38"	106° 19' 18"					F-48-81-D-a
thôn Mỹ Cụ	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 54"	106° 18' 49"					F-48-81-D-a
thôn Quỳnh Ngọc	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 48"	106° 19' 04"					F-48-81-D-a
thôn Tân Thái	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 23"	106° 18' 57"					F-48-81-D-a
Chùa Cổng	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 19"	106° 19' 37"					F-48-81-D-a
đền Bình Ngọc	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 08"	106° 19' 29"					F-48-81-D-a
đình Chồng Diêm	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 47"	106° 18' 57"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396B	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 31"	106° 18' 09"	20° 35' 23"	106° 22' 05"	F-48-81-D-a
Đường tỉnh 455	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu di tích đình, đền, chùa La Vân	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 35"	106° 19' 34"					F-48-81-D-a
Khu di tích miếu, chùa Đồn Xá	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 27"	106° 20' 20"					F-48-81-D-a
Miếu Ngọc	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 47"	106° 19' 16"					F-48-81-D-a
sông Yên Lộng	TV	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-a
Sông Sành	TV	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 15"	106° 18' 05"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a
thôn Mỹ Giá	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 39"	106° 19' 59"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
thôn Phúc Bồi	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 17"	106° 19' 57"					F-48-81-D-c
thôn Tài Giá	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 01"	106° 20' 02"					F-48-81-D-a
thôn Tân Dân	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 02"	106° 19' 41"					F-48-81-D-a
cầu Tài Gia	KX	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 12"	106° 20' 00"					F-48-81-D-a
chùa Tài Giá	KX	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 59"	106° 19' 54"					F-48-81-D-a
chùa Tân Dân	KX	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 56"	106° 19' 33"					F-48-81-D-a
đình Mỹ Giá	KX	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 44"	106° 19' 58"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 396B	KX	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 31"	106° 18' 09"	20° 35' 23"	106° 22' 05"	F-48-81-D-a
sông Cầu Sa	TV	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 09"	106° 19' 53"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-c
sông Yên Lộng	TV	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
thôn Chung Linh	DC	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 29"	106° 17' 43"					F-48-81-D-a
thôn Đà Thôn	DC	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 55"	106° 17' 49"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kỹ Trang	DC	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 15"	106° 17' 23"					F-48-81-D-a
thôn Ngẫu Khê	DC	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 49"	106° 17' 18"					F-48-81-D-a
đình Chung Linh	KX	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 34"	106° 17' 39"					F-48-81-D-a
đình Đà Thôn	KX	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 04"	106° 17' 46"					F-48-81-D-a
đình Kỹ Trang	KX	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 11"	106° 17' 16"					F-48-81-D-a
đình Ngẫu Khê	KX	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 45"	106° 17' 13"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 452	KX	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-D-a
sông Yên Lộng	TV	xã Quỳnh Khê	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-a
thôn Đồng Mỹ	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 40"	106° 15' 12"					F-48-81-D-a
thôn Nghi Phú	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 49"	106° 16' 03"					F-48-81-D-a
thôn Ngọc Tiến	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 35"	106° 15' 42"					F-48-81-D-a
thôn Phú Khê	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 08"	106° 15' 38"					F-48-81-D-a
Chùa Soi	KX	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 56"	106° 15' 09"					F-48-81-D-a
tuyến đò Bến Trại	KX	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 07"	106° 15' 13"					F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-D-a, F-48-81-C-b
thôn An Ký Đông	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 21"	106° 22' 06"					F-48-81-D-a
thôn An Ký Tây	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 00"	106° 21' 43"					F-48-81-D-a
thôn An Ký Trung	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 08"	106° 21' 48"					F-48-81-D-a
thôn Địa Linh	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 33"	106° 20' 46"					F-48-81-D-a
thôn Đông Trụ	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 47"	106° 21' 00"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giáo Thiện	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 30"	106° 21' 07"					F-48-81-D-a
thôn Thượng Xá	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 36"	106° 21' 29"					F-48-81-D-a
đền Trần làng An Ký	KX	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 14"	106° 21' 49"					F-48-81-D-a
đền Trần làng Thượng Xá	KX	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 34"	106° 21' 26"					F-48-81-D-a
đình An Ký	KX	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 23"	106° 21' 40"					F-48-81-D-a
đình Đông Trụ	KX	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 34"	106° 21' 02"					F-48-81-D-a
Sông Sành	TV	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 15"	106° 18' 05"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a
thôn Châu Tiến	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 06"	106° 18' 36"					F-48-81-D-a
thôn Hải Hà	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 06"	106° 18' 56"					F-48-81-D-a
thôn Hồng Thịnh	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 58"	106° 18' 30"					F-48-81-D-a
thôn Hùng Lộc	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 05"	106° 18' 25"					F-48-81-D-a
thôn Quang Trung	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 49"	106° 18' 56"					F-48-81-D-a
thôn Tân Hòa	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 20"	106° 18' 54"					F-48-81-D-a
cầu Mỹ Hà	KX	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 57"	106° 19' 32"					F-48-81-D-a
đường Mỹ Hà	KX	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ			20° 38' 57"	106° 19' 32"	20° 38' 45"	106° 19' 14"	F-48-81-D-a
Đường tỉnh 455	KX	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-a
Miếu Thóc	KX	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 09"	106° 18' 30"					F-48-81-D-a
sông Yên Lộng	TV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-a
thôn Bương Hạ Bắc	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 29"	106° 16' 32"					F-48-81-D-a
thôn Bương Hạ Đông	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 19"	106° 16' 46"					F-48-81-D-a
thôn Bương Hạ Nam	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 13"	106° 16' 30"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bương Hạ Tây	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 23"	106° 16' 22"					F-48-81-D-a
thôn Bương Thượng	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 47"	106° 17' 04"					F-48-81-D-a
thôn Đông Châu	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 49"	106° 15' 25"					F-48-81-D-a
thôn Đông Quynh	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 21"	106° 15' 34"					F-48-81-D-a
thôn Hi Hà	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 02"	106° 16' 21"					F-48-81-D-a
thôn Quỳnh Lang	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 27"	106° 15' 36"					F-48-81-D-a
thôn Tân Mỹ	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 19"	106° 15' 04"					F-48-81-C-b, F-48-81-D-a
Chợ Cầu	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 21"	106° 15' 45"					F-48-81-D-a
đình Bương Hạ	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 33"	106° 16' 31"					F-48-81-D-a
đình Bương Thượng	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 48"	106° 16' 55"					F-48-81-D-a
đình Đông Châu	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 52"	106° 15' 18"					F-48-81-D-a
Đường tỉnh 452	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ			20° 39' 10"	106° 19' 20"	20° 31' 20"	106° 13' 51"	F-48-81-D-a
tuyến đò Tân Mỹ	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ	20° 40' 31"	106° 14' 52"					F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-C-b, F-48-81-D-a
thôn Hải An	DC	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 38"	106° 18' 10"					F-48-81-D-a
thôn Phương Quả Đông	DC	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 16"	106° 18' 02"					F-48-81-D-c
thôn Phương Quả Nam	DC	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 09"	106° 17' 54"					F-48-81-D-c
thôn Quang Trung	DC	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 27"	106° 17' 37"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
thôn Trình Uyên	DC	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 20"	106° 18' 22"					F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chùa Cả	KX	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 24"	106° 18' 16"					F-48-81-D-c
chùa Phương Quả	KX	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 17"	106° 17' 55"					F-48-81-D-c
đình Hải An	KX	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 32"	106° 18' 09"					F-48-81-D-a
đình Trình Uyên	KX	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 22"	106° 18' 24"					F-48-81-D-c
Đường tỉnh 455	KX	xã Quỳnh Nguyên	H. Quỳnh Phụ			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
thôn An Khoái	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 43"	106° 18' 15"					F-48-81-D-a
thôn Cẩn Du	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 11"	106° 17' 14"					F-48-81-D-a
thôn Đại Phú	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 17"	106° 18' 14"					F-48-81-D-a
thôn La Triều	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 39"	106° 18' 15"					F-48-81-D-a
thôn Thượng Thọ	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 06"	106° 18' 03"					F-48-81-D-a
chùa Cẩn Du	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 40"	106° 18' 10"					F-48-81-D-a
chùa La Triều	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 12"	106° 17' 07"					F-48-81-D-a
đền Năm Thôn	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 38' 41"	106° 17' 48"					F-48-81-D-a
đình Cẩn Du	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 40"	106° 18' 17"					F-48-81-D-a
đình La Triều	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ	20° 39' 09"	106° 17' 12"					F-48-81-D-a
sông Yên Lộng	TV	xã Quỳnh Sơn	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-a
thôn An Hiệp	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 10"	106° 21' 49"					F-48-81-D-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 14"	106° 21' 25"					F-48-81-D-a
thôn Đức Chính	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 45"	106° 20' 59"					F-48-81-D-a
thôn Hồng Thái	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 51"	106° 21' 00"					F-48-81-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hưng Đạo	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 26"	106° 21' 07"					F-48-81-D-a
thôn Minh Đức	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 38"	106° 21' 13"					F-48-81-D-a
thôn Tiên Bá	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 09"	106° 20' 57"					F-48-81-D-a
chùa Đại Nẫm	KX	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 30"	106° 20' 54"					F-48-81-D-a
Cầu Vược	KX	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 18"	106° 22' 05"					F-48-81-D-a
đình Đại Nẫm	KX	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 22"	106° 21' 06"					F-48-81-D-a
Đình Sổ	KX	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 41' 07"	106° 21' 44"					F-48-81-D-a
tuyến đò Rách	KX	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ	20° 42' 06"	106° 21' 11"					F-48-81-D-a
Sông Luộc	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-D-a
Sông Sành	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 15"	106° 18' 05"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a
thôn A Mễ	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 13"	106° 20' 57"					F-48-81-D-c
thôn Khang Ninh	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 14"	106° 20' 23"					F-48-81-D-c
thôn Tiên Cầu	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 46"	106° 20' 16"					F-48-81-D-c
Cầu Chéo	KX	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 21"	106° 21' 06"					F-48-81-D-c
đình Vĩnh Phúc	KX	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 16"	106° 20' 10"					F-48-81-D-c
Đường tỉnh 396B	KX	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 31"	106° 18' 09"	20° 35' 23"	106° 22' 05"	F-48-81-D-c
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-D-c
miếu A Mễ	KX	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 15"	106° 20' 46"					F-48-81-D-c
sông Cầu Sa	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 09"	106° 19' 53"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-c
sông Yên Lộng	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 22"	106° 17' 57"	20° 34' 20"	106° 20' 37"	F-48-81-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bình Minh	DC	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 22"	106° 20' 33"					F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
thôn Dũng Tiến	DC	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 32"	106° 21' 41"					F-48-81-D-c
thôn Đông Hồng	DC	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 00"	106° 20' 55"					F-48-81-D-c
thôn Ô Cách	DC	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 21"	106° 21' 16"					F-48-81-D-c
thôn Xuân La	DC	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 48"	106° 21' 06"					F-48-81-D-c
thôn Xuân La Đông	DC	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 44"	106° 21' 27"					F-48-81-D-c
Cầu Sa	KX	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ	20° 37' 17"	106° 20' 33"					F-48-81-D-c
đình Xuân La	KX	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ	20° 36' 52"	106° 21' 07"					F-48-81-D-c
Đường tỉnh 396B	KX	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ			20° 41' 31"	106° 18' 09"	20° 35' 23"	106° 22' 05"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
đường Thái Bình - Hà Nam	KX	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ			20° 35' 34"	106° 07' 40"	20° 36' 37"	106° 22' 42"	F-48-81-D-c
sông Cầu Sa	TV	xã Quỳnh Xá	H. Quỳnh Phụ			20° 37' 09"	106° 19' 53"	20° 37' 56"	106° 21' 35"	F-48-81-D-a, F-48-81-D-c
Khu 8 (xóm Đồng Nương)	DC	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy	20° 33' 53"	106° 34' 20"					F-48-82-C-c
Khu 9 (làng Tân Sơn)	DC	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy	20° 33' 36"	106° 34' 19"					F-48-82-C-c
cảng Diêm Điền	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy	20° 33' 12"	106° 33' 41"					F-48-82-C-c
cầu Diêm Điền	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy	20° 33' 02"	106° 33' 37"					F-48-82-C-c
đền Đồng Nương	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy	20° 33' 54"	106° 34' 21"					F-48-82-C-c
đền Thuận Nghĩa	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy	20° 33' 27"	106° 34' 06"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường 3 tháng 2	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy			20° 33' 26"	106° 33' 20"	20° 34' 00"	106° 34' 26"	F-48-82-C-c
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy			20° 34' 22"	106° 33' 35"	20° 33' 33"	106° 34' 02"	F-48-82-C-c
Đường tỉnh 461	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy			20° 33' 42"	106° 33' 56"	20° 37' 18"	106° 34' 49"	F-48-82-C-c
Khu lưu niệm Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy	20° 33' 27"	106° 33' 58"					F-48-82-C-c
Quốc lộ 37	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-c
Quốc lộ 37B	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-82-C-c
Quốc lộ 39	KX	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-82-C-c
sông Diêm Hộ	TV	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	TT. Diêm Điền	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-82-C-c
thôn Đông Hòa	DC	xã Hồng Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 37' 02"	106° 33' 19"					F-48-82-C-c
thôn Nam Bình	DC	xã Hồng Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 36' 58"	106° 33' 07"					F-48-82-C-c
thôn Tây Thuận	DC	xã Hồng Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 37' 08"	106° 33' 07"					F-48-82-C-c
Thôn Bắc	DC	xã Hồng Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 37' 36"	106° 32' 48"					F-48-82-C-a, F-48-82-C-c
cầu phao Sông Hóa	KX	xã Hồng Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 37' 34"	106° 32' 34"					F-48-82-C-a
Chùa Bụi (Linh Am Tự)	KX	xã Hồng Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 36' 53"	106° 33' 17"					F-48-82-C-c
Quốc lộ 37	KX	xã Hồng Quỳnh	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-c
Sông Hóa	TV	xã Hồng Quỳnh	H. Thái Thụy			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-c
thôn Cao Mỹ Cổ Lũng	DC	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 29' 43"	106° 33' 07"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chỉ Thiện	DC	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 29' 11"	106° 32' 57"					F-48-94-A-a
thôn Đoàn Kết	DC	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 29' 30"	106° 32' 35"					F-48-94-A-a
thôn Hải Linh	DC	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 29' 56"	106° 33' 09"					F-48-82-C-c, F-48-94-A-a
thôn Lũng Tả	DC	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 29' 35"	106° 33' 20"					F-48-94-A-a
thôn Tân Minh	DC	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 28' 36"	106° 32' 42"					F-48-94-A-a
thôn Vũ Biên	DC	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 28' 46"	106° 32' 47"					F-48-94-A-a
đền Phố Dâu	KX	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 28' 18"	106° 33' 12"					F-48-94-A-a
đình Chỉ Thiện	KX	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 29' 05"	106° 33' 03"					F-48-94-A-a
Đình Triều	KX	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 28' 54"	106° 32' 35"					F-48-94-A-a
Trung tâm điện lực Thái Bình	KX	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 28' 50"	106° 33' 27"					F-48-94-A-a
tuyến đò Dâu	KX	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy	20° 28' 12"	106° 33' 13"					F-48-94-A-a
sông Trà Lý	TV	xã Mỹ Lộc	H. Thái Thụy			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-94-A-a
thôn Lễ Thần Đoài	DC	xã Thái An	H. Thái Thụy	20° 31' 01"	106° 32' 18"					F-48-82-C-c
thôn Lễ Thần Đông	DC	xã Thái An	H. Thái Thụy	20° 31' 18"	106° 32' 40"					F-48-82-C-c
thôn Lễ Thần Nam	DC	xã Thái An	H. Thái Thụy	20° 30' 50"	106° 32' 18"					F-48-82-C-c
thôn Vũ Công	DC	xã Thái An	H. Thái Thụy	20° 30' 33"	106° 32' 02"					F-48-82-C-c
Chợ Bái	KX	xã Thái An	H. Thái Thụy	20° 31' 00"	106° 32' 03"					F-48-82-C-c
Chùa Giang	KX	xã Thái An	H. Thái Thụy	20° 30' 29"	106° 31' 56"					F-48-82-C-c
Đình Đông	KX	xã Thái An	H. Thái Thụy	20° 30' 28"	106° 31' 56"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 37B	KX	xã Thái An	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-82-C-c
từ đường họ Lưu	KX	xã Thái An	H. Thái Thụy	20° 30' 33"	106° 31' 59"					F-48-82-C-c
thôn Chợ Phố	DC	xã Thái Dương	H. Thái Thụy	20° 31' 07"	106° 29' 01"					F-48-81-D-d
thôn Đồng Tỉnh	DC	xã Thái Dương	H. Thái Thụy	20° 31' 40"	106° 29' 36"					F-48-81-D-d
thôn Trần Phú	DC	xã Thái Dương	H. Thái Thụy	20° 31' 44"	106° 29' 18"					F-48-81-D-d
thôn Vị Thủy	DC	xã Thái Dương	H. Thái Thụy	20° 31' 24"	106° 28' 52"					F-48-81-D-d
chùa Vĩ Long	KX	xã Thái Dương	H. Thái Thụy	20° 32' 11"	106° 29' 41"					F-48-81-D-d
Chợ Phố	KX	xã Thái Dương	H. Thái Thụy	20° 31' 10"	106° 28' 59"					F-48-81-D-d
đền thờ Tiến sĩ Đinh Trinh	KX	xã Thái Dương	H. Thái Thụy	20° 31' 19"	106° 28' 46"					F-48-81-D-d
đình Đồng Tỉnh	KX	xã Thái Dương	H. Thái Thụy	20° 31' 35"	106° 29' 34"					F-48-81-D-d
Quốc lộ 39	KX	xã Thái Dương	H. Thái Thụy			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã Thái Dương	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Thái Dương	H. Thái Thụy			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-d
thôn Danh Giáo	DC	xã Thái Đô	H. Thái Thụy	20° 29' 24"	106° 33' 51"					F-48-94-A-a
thôn Đông Hải	DC	xã Thái Đô	H. Thái Thụy	20° 31' 02"	106° 33' 54"					F-48-82-C-c
thôn Đông Tiến	DC	xã Thái Đô	H. Thái Thụy	20° 28' 48"	106° 34' 01"					F-48-94-A-a
thôn Nam Duyên	DC	xã Thái Đô	H. Thái Thụy	20° 30' 22"	106° 33' 50"					F-48-82-C-c
thôn Nam Hải	DC	xã Thái Đô	H. Thái Thụy	20° 30' 44"	106° 33' 53"					F-48-82-C-c
thôn Tân Bồi	DC	xã Thái Đô	H. Thái Thụy	20° 29' 02"	106° 34' 04"					F-48-94-A-a
thôn Tân Lập	DC	xã Thái Đô	H. Thái Thụy	20° 29' 25"	106° 34' 05"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cửa Trà Lý	TV	xã Thái Đô	H. Thái Thụy	20° 28' 00"	106° 36' 02"					F-48-94-A-a
sông Trà Lý	TV	xã Thái Đô	H. Thái Thụy			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-94-A-a
thôn Hạ Liệt	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 28"	106° 27' 16"					F-48-81-D-d
Thôn Đoài	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 03"	106° 26' 34"					F-48-81-D-d
Thôn Nha	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 28"	106° 26' 52"					F-48-81-D-d
Thôn Trung	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 18"	106° 26' 46"					F-48-81-D-d
khu Đông Giang	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 32' 21"	106° 27' 48"					F-48-81-D-d
thôn Phất Lộc Đông	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 49"	106° 27' 28"					F-48-81-D-d
thôn Phất Lộc Tây	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 37"	106° 26' 60"					F-48-81-D-d
thôn Phất Lộc Tiến	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 36"	106° 27' 07"					F-48-81-D-d
thôn Phất Lộc Trung	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 42"	106° 27' 14"					F-48-81-D-d
thôn Tiền Phong	DC	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 32' 03"	106° 26' 51"					F-48-81-D-d
đình Phất Lộc	KX	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 34"	106° 27' 08"					F-48-81-D-d
Đền Trần	KX	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 32"	106° 26' 55"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 457	KX	xã Thái Giang	H. Thái Thụy			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-81-D-d
Quốc lộ 39	KX	xã Thái Giang	H. Thái Thụy			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-d
từ đường họ Lê	KX	xã Thái Giang	H. Thái Thụy	20° 31' 40"	106° 27' 03"					F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã Thái Giang	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
Sông Hoài	TV	xã Thái Giang	H. Thái Thụy			20° 29' 46"	106° 26' 03"	20° 33' 13"	106° 24' 22"	F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Thái Giang	H. Thái Thụy			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-d
thôn Bắc Thịnh	DC	xã Thái Hà	H. Thái Thụy	20° 30' 13"	106° 26' 52"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Hưng	DC	xã Thái Hà	H. Thái Thụy	20° 30' 03"	106° 27' 16"					F-48-81-D-d, F-48-93-B-b
thôn Nam Cường	DC	xã Thái Hà	H. Thái Thụy	20° 30' 02"	106° 26' 53"					F-48-81-D-d, F-48-93-B-b
cầu Trà Giang	KX	xã Thái Hà	H. Thái Thụy	20° 29' 27"	106° 27' 01"					F-48-93-B-b
Chợ Quài	KX	xã Thái Hà	H. Thái Thụy	20° 30' 23"	106° 27' 12"					F-48-81-D-d
đền Côn Giang	KX	xã Thái Hà	H. Thái Thụy	20° 29' 47"	106° 26' 30"					F-48-93-B-b
Đường tỉnh 457	KX	xã Thái Hà	H. Thái Thụy			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-93-B-b, F-48-81-D-d
Sông Hoài	TV	xã Thái Hà	H. Thái Thụy			20° 29' 46"	106° 26' 03"	20° 33' 13"	106° 24' 22"	F-48-81-D-d, F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Thái Hà	H. Thái Thụy			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-D-d, F-48-93-B-b
thôn Bắc Tân	DC	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 30' 39"	106° 33' 09"					F-48-82-C-c
thôn Duyên Lễ	DC	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 30' 46"	106° 33' 39"					F-48-82-C-c
thôn Nam Tân	DC	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 30' 30"	106° 33' 31"					F-48-82-C-c
thôn Sơn Cao	DC	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 47"	106° 33' 25"					F-48-82-C-c
thôn Thùy Dương	DC	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 35"	106° 33' 01"					F-48-82-C-c
thôn Tiền Phong	DC	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 23"	106° 33' 22"					F-48-82-C-c
thôn Tử Các	DC	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 04"	106° 33' 26"					F-48-82-C-c
thôn Vọng Hải	DC	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 14"	106° 33' 28"					F-48-82-C-c
chùa làng Thùy Dương	KX	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 34"	106° 32' 59"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chợ Cầu	KX	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 12"	106° 33' 31"					F-48-82-C-c
đình làng Thùy Dương	KX	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 33"	106° 33' 00"					F-48-82-C-c
đình Sơn Cao	KX	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 50"	106° 33' 27"					F-48-82-C-c
đình Tử Các	KX	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy	20° 31' 05"	106° 33' 25"					F-48-82-C-c
Quốc lộ 37B	KX	xã Thái Hòa	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-82-C-c
Thôn Bắc	DC	xã Thái Học	H. Thái Thụy	20° 29' 37"	106° 31' 14"					F-48-94-A-a
Thôn Đông	DC	xã Thái Học	H. Thái Thụy	20° 29' 16"	106° 31' 26"					F-48-94-A-a
Thôn Trung	DC	xã Thái Học	H. Thái Thụy	20° 29' 29"	106° 30' 57"					F-48-94-A-a
xóm Trì Lục	DC	xã Thái Học	H. Thái Thụy	20° 29' 39"	106° 30' 42"					F-48-94-A-a
Đình Đông	KX	xã Thái Học	H. Thái Thụy	20° 29' 27"	106° 31' 41"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 459	KX	xã Thái Học	H. Thái Thụy			20° 32' 28"	106° 30' 25"	20° 28' 52"	106° 31' 18"	F-48-94-A-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Thái Học	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-94-A-a
từ đường và phần mộ Ngự sử Dương Đình Nhâm	KX	xã Thái Học	H. Thái Thụy	20° 29' 30"	106° 31' 07"					F-48-94-A-a
Xóm 9	DC	xã Thái Hồng	H. Thái Thụy	20° 30' 12"	106° 29' 21"					F-48-81-D-d
Xóm 10	DC	xã Thái Hồng	H. Thái Thụy	20° 30' 43"	106° 29' 34"					F-48-81-D-d
thôn Chiêm Thuận	DC	xã Thái Hồng	H. Thái Thụy	20° 30' 39"	106° 29' 25"					F-48-81-D-d
thôn Vị Dương Đoài	DC	xã Thái Hồng	H. Thái Thụy	20° 31' 13"	106° 29' 34"					F-48-81-D-d
thôn Vị Dương Đông	DC	xã Thái Hồng	H. Thái Thụy	20° 31' 27"	106° 29' 48"					F-48-81-D-d
Miếu Đông	KX	xã Thái Hồng	H. Thái Thụy	20° 31' 33"	106° 29' 54"					F-48-81-D-d
Xóm 7	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 49"	106° 31' 14"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 8	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 26"	106° 30' 59"					F-48-82-C-c
Xóm 9	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 42"	106° 30' 53"					F-48-82-C-c
Xóm 10	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 27"	106° 30' 20"					F-48-82-C-c
thôn Văn Hàn Bắc	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 53"	106° 31' 29"					F-48-82-C-c
thôn Văn Hàn Đông	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 52"	106° 31' 54"					F-48-82-C-c
thôn Văn Hàn Tây	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 27"	106° 30' 45"					F-48-82-C-c
thôn Văn Hàn Trung	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 43"	106° 31' 34"					F-48-82-C-c
thôn Vũ Thành Đoài	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 18"	106° 31' 22"					F-48-82-C-c
thôn Vũ Thành Đông	DC	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 09"	106° 31' 41"					F-48-82-C-c
Cầu Cau	KX	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 26"	106° 30' 32"					F-48-82-C-c
Đình Bắc	KX	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 31' 03"	106° 31' 51"					F-48-82-C-c
Đình Dán	KX	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 52"	106° 31' 25"					F-48-82-C-c
Đình Đoài	KX	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 13"	106° 31' 35"					F-48-82-C-c
Đình Thượng	KX	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 36"	106° 30' 37"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 459	KX	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy			20° 32' 28"	106° 30' 25"	20° 28' 52"	106° 31' 18"	F-48-82-C-c
từ đường họ Uông	KX	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 21"	106° 31' 29"					F-48-82-C-c
từ đường Tiến sĩ Nguyễn Công Định	KX	xã Thái Hưng	H. Thái Thụy	20° 30' 38"	106° 31' 30"					F-48-82-C-c
thôn Bằng Lương	DC	xã Thái Nguyên	H. Thái Thụy	20° 31' 35"	106° 31' 53"					F-48-82-C-c
thôn Bích Đoài	DC	xã Thái Nguyên	H. Thái Thụy	20° 32' 08"	106° 32' 59"					F-48-82-C-c
thôn Hà My	DC	xã Thái Nguyên	H. Thái Thụy	20° 31' 57"	106° 32' 39"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Thịnh	DC	xã Thái Nguyên	H. Thái Thụy	20° 31' 26"	106° 31' 33"					F-48-82-C-c
thôn Thanh Lương	DC	xã Thái Nguyên	H. Thái Thụy	20° 31' 46"	106° 32' 13"					F-48-82-C-c
đình Bích Đoài	KX	xã Thái Nguyên	H. Thái Thụy	20° 32' 05"	106° 32' 54"					F-48-82-C-c
đình Hà My	KX	xã Thái Nguyên	H. Thái Thụy	20° 31' 57"	106° 32' 44"					F-48-82-C-c
Đình Đoài	KX	xã Thái Nguyên	H. Thái Thụy	20° 31' 31"	106° 31' 47"					F-48-82-C-c
sông Diêm Hộ	TV	xã Thái Nguyên	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-82-C-c
thôn Đồng Uyên	DC	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 32"	106° 28' 36"					F-48-81-D-d
thôn Kỳ Nha	DC	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 24"	106° 28' 23"					F-48-81-D-d
thôn Nha Xuyên	DC	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 48"	106° 28' 28"					F-48-81-D-d
thôn Phúc Tiền	DC	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 31"	106° 27' 47"					F-48-81-D-d
thôn Phúc Trung	DC	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 41"	106° 28' 12"					F-48-81-D-d
thôn Tân Phúc	DC	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 29' 08"	106° 29' 15"					F-48-93-B-b
thôn Xuân Phố	DC	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 59"	106° 28' 13"					F-48-81-D-d
chùa Phúc Lâm	KX	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 37"	106° 27' 59"					F-48-81-D-d
đền thờ Tiến sĩ Hà Công Luận	KX	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 34"	106° 27' 55"					F-48-81-D-d
từ đường họ Quách	KX	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 30"	106° 27' 36"					F-48-81-D-d
từ đường Tiến sĩ Nghiêm Vũ Đằng	KX	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy	20° 30' 30"	106° 28' 15"					F-48-81-D-d
sông Trà Lý	TV	xã Thái Phúc	H. Thái Thụy			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-D-d, F-48-93-B-b
thôn Hoài Hữu	DC	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 31' 14"	106° 27' 48"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hoàng Nguyên	DC	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 31' 02"	106° 27' 12"					F-48-81-D-d
thôn Kim Thành	DC	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 30' 38"	106° 27' 19"					F-48-81-D-d
thôn Nam Hưng Đông	DC	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 30' 36"	106° 27' 05"					F-48-81-D-d
thôn Nam Hưng Tây	DC	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 30' 35"	106° 26' 53"					F-48-81-D-d
thôn Thanh Miếu	DC	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 30' 42"	106° 27' 33"					F-48-81-D-d
thôn Thanh Phần	DC	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 31' 05"	106° 27' 24"					F-48-81-D-d
thôn Việt Cường	DC	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 31' 55"	106° 28' 15"					F-48-81-D-d
Chùa Quài	KX	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 30' 33"	106° 26' 51"					F-48-81-D-d
Đền Quài	KX	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy	20° 30' 43"	106° 27' 31"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 457	KX	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy			20° 32' 03"	106° 25' 13"	20° 23' 27"	106° 26' 28"	F-48-81-D-d
Quốc lộ 39	KX	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
Sông Hoài	TV	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy			20° 29' 46"	106° 26' 03"	20° 33' 13"	106° 24' 22"	F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Thái Sơn	H. Thái Thụy			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-d
thôn Hồng Thái	DC	xã Thái Tân	H. Thái Thụy	20° 29' 46"	106° 31' 37"					F-48-94-A-a
thôn Minh Thành	DC	xã Thái Tân	H. Thái Thụy	20° 29' 20"	106° 31' 51"					F-48-94-A-a
thôn Nghĩa Hưng	DC	xã Thái Tân	H. Thái Thụy	20° 29' 38"	106° 31' 57"					F-48-94-A-a
thôn Phú Uyên	DC	xã Thái Tân	H. Thái Thụy	20° 29' 50"	106° 31' 06"					F-48-94-A-a
chùa Thần Đầu (Cao Nghiêm Tự)	KX	xã Thái Tân	H. Thái Thụy	20° 29' 47"	106° 31' 39"					F-48-94-A-a
đình Nam làng Thần Đầu	KX	xã Thái Tân	H. Thái Thụy	20° 29' 32"	106° 31' 53"					F-48-94-A-a
đình Phú Uyên	KX	xã Thái Tân	H. Thái Thụy	20° 29' 58"	106° 31' 18"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 459	KX	xã Thái Tân	H. Thái Thụy			20° 32' 28"	106° 30' 25"	20° 28' 52"	106° 31' 18"	F-48-94-A-a, F-48-82-C-c
Quốc lộ 37B	KX	xã Thái Tân	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-94-A-a
thôn Đồng Nhân	DC	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 28' 11"	106° 29' 54"					F-48-93-B-b, F-48-94-A-a
thôn Liên Khê	DC	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 28' 00"	106° 28' 33"					F-48-93-B-b
thôn Nghĩa Phong	DC	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 27' 12"	106° 28' 29"					F-48-93-B-b
thôn Phúc Tân	DC	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 28' 45"	106° 29' 08"					F-48-93-B-b
thôn Tân Xuân	DC	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 28' 32"	106° 28' 45"					F-48-93-B-b
thôn Thanh Khê	DC	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 28' 25"	106° 29' 00"					F-48-93-B-b
thôn Tuân Nghĩa	DC	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 27' 52"	106° 29' 22"					F-48-93-B-b
xóm Hậu Đồn	DC	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 28' 48"	106° 28' 49"					F-48-93-B-b
đình Đồng Nhân	KX	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 28' 11"	106° 29' 53"					F-48-93-B-b
đình Tuân Nghĩa	KX	xã Thái Thành	H. Thái Thụy	20° 27' 54"	106° 29' 21"					F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Thái Thành	H. Thái Thụy			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b
thôn Bắc Thịnh	DC	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy	20° 29' 07"	106° 30' 54"					F-48-94-A-a
thôn Đoài Thịnh	DC	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy	20° 28' 35"	106° 30' 44"					F-48-94-A-a
thôn Đông Thịnh	DC	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy	20° 28' 56"	106° 31' 22"					F-48-94-A-a
thôn Nam Thịnh	DC	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy	20° 28' 39"	106° 30' 57"					F-48-94-A-a
thôn Phúc Thịnh	DC	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy	20° 28' 56"	106° 30' 40"					F-48-94-A-a
thôn Trung Thịnh	DC	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy	20° 28' 51"	106° 31' 02"					F-48-94-A-a
chùa Nghiêm Phúc	KX	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy	20° 29' 01"	106° 30' 46"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Nguyên Tiêu	KX	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy	20° 29' 03"	106° 31' 19"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 459	KX	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy			20° 32' 28"	106° 30' 25"	20° 28' 52"	106° 31' 18"	F-48-94-A-a
miếu Cá Chép	KX	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy	20° 28' 55"	106° 31' 05"					F-48-94-A-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Thái Thịnh	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-94-A-a
thôn Độc Lập	DC	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy	20° 27' 35"	106° 30' 44"					F-48-94-A-a
thôn Giáo Lạc	DC	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy	20° 27' 06"	106° 31' 01"					F-48-94-A-a
thôn Hanh Lập	DC	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy	20° 27' 57"	106° 31' 21"					F-48-94-A-a
thôn Thiên Kiều	DC	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy	20° 26' 58"	106° 30' 27"					F-48-94-A-a
thôn Xuân Hòa	DC	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy	20° 27' 57"	106° 32' 01"					F-48-94-A-a
cầu Trà Lý	KX	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy	20° 26' 38"	106° 30' 47"					F-48-94-A-a
đình Hanh Lập	KX	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy	20° 27' 53"	106° 31' 13"					F-48-94-A-a
Nhà máy sản xuất Amoni Nitrat	KX	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy	20° 27' 27"	106° 31' 43"					F-48-94-A-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-94-A-a
từ đường Dương Đình Nhâm	KX	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy	20° 27' 59"	106° 31' 23"					F-48-94-A-a
sông Trà Lý	TV	xã Thái Thọ	H. Thái Thụy			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-94-A-a, F-48-93-B-b
thôn Đồng Kinh	DC	xã Thái Thuần	H. Thái Thụy	20° 29' 07"	106° 29' 51"					F-48-93-B-b
thôn Linh Thanh	DC	xã Thái Thuần	H. Thái Thụy	20° 30' 02"	106° 30' 13"					F-48-82-C-c, F-48-81-D-d, F-48-93-B-b, F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 1	DC	xã Thái Thuần	H. Thái Thụy	20° 29' 01"	106° 29' 50"					F-48-94-A-a
Xóm 4	DC	xã Thái Thuần	H. Thái Thụy	20° 29' 21"	106° 30' 14"					F-48-94-A-a
Xóm 6	DC	xã Thái Thuần	H. Thái Thụy	20° 30' 04"	106° 30' 15"					F-48-82-C-c
xóm Giang Tây	DC	xã Thái Thuần	H. Thái Thụy	20° 29' 43"	106° 30' 13"					F-48-94-A-a
thôn Vị Nguyên	DC	xã Thái Thuần	H. Thái Thụy	20° 29' 08"	106° 30' 20"					F-48-94-A-a
cầu Linh Thanh	KX	xã Thái Thuần	H. Thái Thụy	20° 29' 29"	106° 30' 04"					F-48-94-A-a
thôn Bắc Đồng	DC	xã Thái Thủy	H. Thái Thụy	20° 32' 30"	106° 30' 28"					F-48-82-C-c
thôn Kiên Thắng	DC	xã Thái Thủy	H. Thái Thụy	20° 31' 48"	106° 30' 35"					F-48-82-C-c
thôn Minh Khai	DC	xã Thái Thủy	H. Thái Thụy	20° 31' 54"	106° 30' 45"					F-48-82-C-c
thôn Nam Hưng	DC	xã Thái Thủy	H. Thái Thụy	20° 31' 33"	106° 30' 37"					F-48-82-C-c
chùa Phổ Linh	KX	xã Thái Thủy	H. Thái Thụy	20° 31' 53"	106° 30' 31"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 459	KX	xã Thái Thủy	H. Thái Thụy			20° 32' 28"	106° 30' 25"	20° 28' 52"	106° 31' 18"	F-48-82-C-c
Quốc lộ 39	KX	xã Thái Thủy	H. Thái Thụy			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-81-D-d, F-48-82-C-c
sông Diêm Hộ	TV	xã Thái Thủy	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-82-C-c, F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Thái Thủy	H. Thái Thụy			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-82-C-c, F-48-81-D-d
thôn Bạch Đằng	DC	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 33' 12"	106° 34' 20"					F-48-82-C-c
thôn Bắc Cường	DC	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 32' 44"	106° 34' 06"					F-48-82-C-c
thôn Bích Du	DC	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 32' 30"	106° 34' 07"					F-48-82-C-c
thôn Các Đông	DC	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 32' 17"	106° 34' 02"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Thọ	DC	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 32' 04"	106° 33' 59"					F-48-82-C-c
thôn Sơn Thọ 1	DC	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 31' 26"	106° 33' 56"					F-48-82-C-c
thôn Sơn Thọ 2	DC	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 31' 37"	106° 34' 00"					F-48-82-C-c
thôn Sơn Thọ 3	DC	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 31' 49"	106° 34' 05"					F-48-82-C-c
cầu Diêm Điền	KX	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 33' 02"	106° 33' 37"					F-48-82-C-c
đền Sơn Thọ	KX	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 31' 44"	106° 34' 05"					F-48-82-C-c
đình Các Đông	KX	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 32' 19"	106° 33' 59"					F-48-82-C-c
Đền Hét	KX	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 33' 10"	106° 34' 22"					F-48-82-C-c
Quốc lộ 37B	KX	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-82-C-c
cửa Diêm Hộ	TV	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy	20° 32' 24"	106° 35' 31"					F-48-82-C-c
sông Diêm Hộ	TV	xã Thái Thượng	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-82-C-c
thôn Kim Bàng	DC	xã Thái Xuyên	H. Thái Thụy	20° 29' 48"	106° 32' 38"					F-48-82-C-c, F-48-94-A-a
thôn Lục Bắc	DC	xã Thái Xuyên	H. Thái Thụy	20° 30' 18"	106° 32' 14"					F-48-82-C-c
thôn Lục Nam	DC	xã Thái Xuyên	H. Thái Thụy	20° 30' 20"	106° 32' 38"					F-48-82-C-c
thôn Lũng Đầu	DC	xã Thái Xuyên	H. Thái Thụy	20° 29' 50"	106° 32' 11"					F-48-94-A-a
xóm Kim Cương	DC	xã Thái Xuyên	H. Thái Thụy	20° 29' 43"	106° 32' 11"					F-48-94-A-a
Đình Đông	KX	xã Thái Xuyên	H. Thái Thụy	20° 30' 06"	106° 32' 09"					F-48-82-C-c
Đình Từ	KX	xã Thái Xuyên	H. Thái Thụy	20° 30' 25"	106° 32' 23"					F-48-82-C-c
Quốc lộ 37B	KX	xã Thái Xuyên	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-94-A-a, F-48-82-C-c
thôn An Cố Bắc	DC	xã Thụy An	H. Thái Thụy	20° 36' 31"	106° 35' 31"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Cố Nam	DC	xã Thụy An	H. Thái Thụy	20° 36' 11"	106° 35' 36"					F-48-82-C-c
thôn An Cố Tân	DC	xã Thụy An	H. Thái Thụy	20° 35' 17"	106° 35' 34"					F-48-82-C-c
thôn An Cố Trung	DC	xã Thụy An	H. Thái Thụy	20° 36' 21"	106° 35' 33"					F-48-82-C-c
đền An Cố	KX	xã Thụy An	H. Thái Thụy	20° 36' 42"	106° 35' 24"					F-48-82-C-c
đình An Cố	KX	xã Thụy An	H. Thái Thụy	20° 36' 17"	106° 35' 32"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 461	KX	xã Thụy An	H. Thái Thụy			20° 33' 42"	106° 33' 56"	20° 37' 18"	106° 34' 49"	F-48-82-C-c
thôn An Ninh	DC	xã Thụy Bình	H. Thái Thụy	20° 34' 39"	106° 31' 48"					F-48-82-C-c
thôn Hạ Tập	DC	xã Thụy Bình	H. Thái Thụy	20° 34' 57"	106° 32' 01"					F-48-82-C-c
thôn Trà Hồi	DC	xã Thụy Bình	H. Thái Thụy	20° 34' 09"	106° 31' 47"					F-48-82-C-c
chùa Châu Long Tự	KX	xã Thụy Bình	H. Thái Thụy	20° 33' 58"	106° 31' 34"					F-48-82-C-c
Đình Đoài	KX	xã Thụy Bình	H. Thái Thụy	20° 33' 57"	106° 31' 36"					F-48-82-C-c
Đình Trung	KX	xã Thụy Bình	H. Thái Thụy	20° 34' 23"	106° 31' 55"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 456	KX	xã Thụy Bình	H. Thái Thụy			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Bình	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-81-D-d
Thôn Chính	DC	xã Thụy Chính	H. Thái Thụy	20° 34' 50"	106° 27' 50"					F-48-81-D-d
thôn Hòe Nha	DC	xã Thụy Chính	H. Thái Thụy	20° 34' 47"	106° 27' 38"					F-48-81-D-d
Thôn Miếu	DC	xã Thụy Chính	H. Thái Thụy	20° 34' 54"	106° 27' 60"					F-48-81-D-d
Đền Cả	KX	xã Thụy Chính	H. Thái Thụy	20° 35' 05"	106° 27' 31"					F-48-81-D-d
Đình Lạng	KX	xã Thụy Chính	H. Thái Thụy	20° 35' 00"	106° 27' 57"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 455	KX	xã Thụy Chính	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-d
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Chính	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Dân Đông	DC	xã Thụy Dân	H. Thái Thụy	20° 35' 08"	106° 29' 01"					F-48-81-D-d
thôn An Dân Trên	DC	xã Thụy Dân	H. Thái Thụy	20° 35' 03"	106° 28' 46"					F-48-81-D-d
thôn An Tiêm 1	DC	xã Thụy Dân	H. Thái Thụy	20° 33' 58"	106° 28' 37"					F-48-81-D-d
thôn An Tiêm 2	DC	xã Thụy Dân	H. Thái Thụy	20° 34' 05"	106° 28' 30"					F-48-81-D-d
thôn An Tiêm 3	DC	xã Thụy Dân	H. Thái Thụy	20° 34' 11"	106° 28' 38"					F-48-81-D-d
thôn Vọng Lỗ	DC	xã Thụy Dân	H. Thái Thụy	20° 34' 51"	106° 28' 31"					F-48-81-D-d
đình An Tiêm	KX	xã Thụy Dân	H. Thái Thụy	20° 34' 03"	106° 28' 37"					F-48-81-D-d
nghĩa trang 21 tháng 10	KX	xã Thụy Dân	H. Thái Thụy	20° 34' 27"	106° 28' 42"					F-48-81-D-d
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Dân	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-81-D-d
thôn Diêm Tỉnh	DC	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 36' 05"	106° 34' 26"					F-48-82-C-c
thôn Đầm Sen	DC	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 37' 18"	106° 34' 34"					F-48-82-C-c
thôn Đông Dương	DC	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 35' 47"	106° 34' 32"					F-48-82-C-c
thôn Phương Man	DC	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 36' 15"	106° 34' 42"					F-48-82-C-c
chùa Phương Man	KX	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 36' 57"	106° 34' 56"					F-48-82-C-c
đền bà Chiêu Quân	KX	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 36' 08"	106° 34' 13"					F-48-82-C-c
đền Đông Dương	KX	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 35' 49"	106° 34' 32"					F-48-82-C-c
đình Phương Man	KX	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 36' 13"	106° 34' 29"					F-48-82-C-c
tuyến đò Bầu	KX	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 37' 31"	106° 34' 36"					F-48-82-C-a
từ đường họ Vũ Hồn	KX	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy	20° 36' 14"	106° 34' 38"					F-48-82-C-c
Sông Hóa	TV	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Sinh (nhánh 2)	TV	xã Thụy Dũng	H. Thái Thụy			20° 34' 24"	106° 33' 42"	20° 36' 01"	106° 35' 03"	F-48-82-C-c
thôn Duyên Trữ	DC	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy	20° 33' 42"	106° 27' 46"					F-48-81-D-d
thôn Hậu Trữ	DC	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy	20° 33' 30"	106° 28' 06"					F-48-81-D-d
thôn Hóa Tài	DC	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy	20° 33' 22"	106° 27' 30"					F-48-81-D-d
thôn Lễ Củ	DC	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy	20° 33' 58"	106° 27' 23"					F-48-81-D-d
thôn Nghĩa Chử	DC	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy	20° 33' 56"	106° 27' 47"					F-48-81-D-d
đền Hóa Tài	KX	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy	20° 33' 18"	106° 27' 35"					F-48-81-D-d
đình Làng Lễ Củ	KX	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy	20° 33' 58"	106° 27' 17"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 455	KX	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-d
Đường tỉnh 456	KX	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-81-D-d
miếu làng Lễ Củ	KX	xã Thụy Duyên	H. Thái Thụy	20° 33' 56"	106° 27' 01"					F-48-81-D-d
Thôn Đoài (thôn Dương Thanh)	DC	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy	20° 34' 04"	106° 30' 37"					F-48-82-C-c
Thôn Đông (thôn Dương Thanh)	DC	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy	20° 34' 14"	106° 30' 51"					F-48-82-C-c
thôn Hạc Ngang	DC	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy	20° 35' 36"	106° 30' 32"					F-48-82-C-c
thôn Hoành Quan Triều	DC	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy	20° 34' 43"	106° 30' 49"					F-48-82-C-c
thôn Lai Triều	DC	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy	20° 34' 32"	106° 30' 32"					F-48-82-C-c
thôn Lương Thường	DC	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy	20° 34' 39"	106° 30' 29"					F-48-82-C-c
đình Đông Dương Thanh	KX	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy	20° 34' 11"	106° 30' 50"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 456	KX	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-82-C-c
làng nghề Hương Lai Triều	KX	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy	20° 34' 31"	106° 30' 30"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Phong Lẫm	TV	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy			20° 32' 24"	106° 28' 04"	20° 34' 09"	106° 32' 51"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Dương	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-82-C-c
thôn Quang Lang Đoài	DC	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy	20° 34' 05"	106° 34' 39"					F-48-82-C-c
thôn Quang Lang Đông	DC	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy	20° 34' 13"	106° 34' 51"					F-48-82-C-c
thôn Tam Đồng	DC	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy	20° 34' 47"	106° 35' 28"					F-48-82-C-c
cảng cá Tân Sơn	KX	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy	20° 33' 53"	106° 34' 46"					F-48-82-C-c
chùa Hưng Quốc	KX	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy	20° 34' 09"	106° 34' 44"					F-48-82-C-c
Cụm công nghiệp Thụy Hải	KX	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy	20° 34' 23"	106° 35' 14"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 461	KX	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy			20° 33' 42"	106° 33' 56"	20° 37' 18"	106° 34' 49"	F-48-82-C-c
miếu Ba Thôn	KX	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy	20° 34' 18"	106° 34' 55"					F-48-82-C-c
phủ Chúa Muối	KX	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy	20° 34' 52"	106° 35' 32"					F-48-82-C-c
cửa Diêm Hộ	TV	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy	20° 32' 24"	106° 35' 31"					F-48-82-C-c
sông Diêm Hộ	TV	xã Thụy Hải	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-82-C-c
thôn Bao Hàm	DC	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 33' 55"	106° 33' 30"					F-48-82-C-c
thôn Mai Diêm	DC	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 33' 07"	106° 33' 15"					F-48-82-C-c
thôn Nghĩa Chỉ	DC	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 33' 26"	106° 32' 53"					F-48-82-C-c
thôn Ngoại Trình	DC	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 33' 26"	106° 33' 05"					F-48-82-C-c
thôn Trình Trại	DC	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 34' 01"	106° 32' 56"					F-48-82-C-c
chùa Bao Hàm	KX	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 33' 54"	106° 33' 19"					F-48-82-C-c
chùa làng Ngoại Trình	KX	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 33' 26"	106° 33' 16"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Mai Diêm	KX	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 33' 03"	106° 33' 10"					F-48-82-C-c
đình Làng Ngoại Trình	KX	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 33' 30"	106° 33' 02"					F-48-82-C-c
Đường 3 tháng 2	KX	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy			20° 33' 26"	106° 33' 20"	20° 34' 00"	106° 34' 26"	F-48-82-C-c
Đền Cả	KX	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy	20° 33' 50"	106° 33' 37"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 456	KX	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-82-C-c
Quốc lộ 39	KX	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-82-C-c
sông Diêm Hộ	TV	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Hà	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-81-C-c
thôn Lưu Đồn	DC	xã Thụy Hồng	H. Thái Thụy	20° 35' 47"	106° 33' 53"					F-48-82-C-c
thôn Tu Trình	DC	xã Thụy Hồng	H. Thái Thụy	20° 35' 55"	106° 33' 46"					F-48-82-C-c
thôn Vạn Đồn	DC	xã Thụy Hồng	H. Thái Thụy	20° 35' 46"	106° 34' 16"					F-48-82-C-c
đình Lưu Đồn	KX	xã Thụy Hồng	H. Thái Thụy	20° 35' 44"	106° 33' 51"					F-48-82-C-c
đình Tu Trình	KX	xã Thụy Hồng	H. Thái Thụy	20° 35' 55"	106° 33' 49"					F-48-82-C-c
đình Vạn Đồn	KX	xã Thụy Hồng	H. Thái Thụy	20° 35' 40"	106° 34' 12"					F-48-82-C-c
miếu Tu Trình	KX	xã Thụy Hồng	H. Thái Thụy	20° 36' 02"	106° 33' 47"					F-48-82-C-c
Sông Hóa	TV	xã Thụy Hồng	H. Thái Thụy			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 2)	TV	xã Thụy Hồng	H. Thái Thụy			20° 34' 24"	106° 33' 42"	20° 36' 01"	106° 35' 03"	F-48-82-C-c
thôn Cao Dương Hạ	DC	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy	20° 35' 24"	106° 29' 33"					F-48-81-D-d
thôn Cao Dương Thượng	DC	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy	20° 35' 43"	106° 29' 39"					F-48-81-D-d
thôn Tam Lộng	DC	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy	20° 35' 05"	106° 29' 27"					F-48-81-D-d
thôn Thu Cúc	DC	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy	20° 36' 09"	106° 29' 28"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xá Thị	DC	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy	20° 35' 32"	106° 30' 05"					F-48-82-C-c, F-48-81-D-d
chùa Tam Lộng	KX	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy	20° 35' 00"	106° 29' 19"					F-48-81-D-d
đền Bến Trấn	KX	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy	20° 36' 26"	106° 29' 16"					F-48-81-D-d
Từ Cả	KX	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy	20° 35' 43"	106° 29' 40"					F-48-81-D-d
Sông Hóa	TV	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-d
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Hưng	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-81-D-d, F-48-82-C-c
thôn An Lệnh	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 34' 11"	106° 32' 18"					F-48-82-C-c
thôn Cam Đoài	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 33' 04"	106° 30' 42"					F-48-82-C-c
thôn Cam Đông	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 33' 08"	106° 31' 04"					F-48-82-C-c
thôn Hoành Quan	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 33' 29"	106° 31' 33"					F-48-82-C-c
thôn Nam Hòa	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 33' 25"	106° 31' 05"					F-48-82-C-c
thôn Nghĩa Chỉ	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 33' 52"	106° 32' 12"					F-48-82-C-c
thôn Trà Bôi	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 32' 54"	106° 32' 08"					F-48-82-C-c
thôn Trà Linh	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 32' 51"	106° 31' 02"					F-48-82-C-c
thôn Trung An	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 33' 39"	106° 32' 00"					F-48-82-C-c
thôn Trung Tinh	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 33' 29"	106° 31' 52"					F-48-82-C-c
Thôn Đoài	DC	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy	20° 33' 50"	106° 32' 07"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 456	KX	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-82-C-c
Quốc lộ 39	KX	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy			20° 39' 10"	106° 07' 41"	20° 33' 12"	106° 33' 36"	F-48-82-C-c
sông Diêm Hộ	TV	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Phong Lẫm	TV	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy			20° 32' 24"	106° 28' 04"	20° 34' 09"	106° 32' 51"	F-48-82-C-c
sông Tiên Hưng	TV	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Liên	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-82-C-c
thôn Hổ Đội 1	DC	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy	20° 33' 59"	106° 33' 56"					F-48-82-C-c
thôn Hổ Đội 2	DC	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy	20° 34' 07"	106° 34' 14"					F-48-82-C-c
thôn Hổ Đội 3	DC	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy	20° 34' 12"	106° 34' 05"					F-48-82-C-c
thôn Hổ Đội 4	DC	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy	20° 34' 04"	106° 33' 54"					F-48-82-C-c
chùa Đông Linh	KX	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy	20° 34' 30"	106° 34' 31"					F-48-82-C-c
Đình Đông	KX	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy	20° 34' 29"	106° 34' 28"					F-48-82-C-c
Đường 3 tháng 2	KX	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy			20° 33' 26"	106° 33' 20"	20° 34' 00"	106° 34' 26"	F-48-82-C-c
Đường tỉnh 461	KX	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy			20° 33' 42"	106° 33' 56"	20° 37' 18"	106° 34' 49"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 2)	TV	xã Thụy Lương	H. Thái Thụy			20° 34' 24"	106° 33' 42"	20° 36' 01"	106° 35' 03"	F-48-82-C-c
thôn Cầu Cất	DC	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 36' 10"	106° 26' 49"					F-48-81-D-d
Thôn Bùi	DC	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 35' 37"	106° 28' 55"					F-48-81-D-d
Thôn Đoài	DC	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 35' 44"	106° 27' 44"					F-48-81-D-d
Thôn Gang	DC	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 35' 21"	106° 27' 45"					F-48-81-D-d
Thôn Hệ	DC	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 36' 14"	106° 27' 36"					F-48-81-D-d
Thôn Hống	DC	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 35' 38"	106° 28' 21"					F-48-81-D-d
Thôn Me	DC	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 35' 23"	106° 28' 26"					F-48-81-D-d
Thôn Vân	DC	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 35' 50"	106° 28' 45"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đền Hệ	KX	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 36' 26"	106° 27' 47"					F-48-81-D-d
tuyến đò Quán Khái	KX	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 35' 57"	106° 28' 30"					F-48-81-D-d
tuyến đò Phần	KX	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy	20° 36' 57"	106° 27' 45"					F-48-81-D-d
Sông Cô	TV	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy			20° 41' 42"	106° 23' 58"	20° 36' 21"	106° 26' 58"	F-48-81-D-d
Sông Hóa	TV	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-d
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Ninh	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-81-D-d
thôn 1 Đồng Hòa	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 33' 16"	106° 29' 00"					F-48-81-D-d
thôn 1 Đông Hồ	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 32' 56"	106° 27' 33"					F-48-81-D-d
thôn 1 Phong Lẫm	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 32' 59"	106° 28' 17"					F-48-81-D-d
thôn 2 Đồng Hòa	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 33' 15"	106° 28' 51"					F-48-81-D-d
thôn 2 Đông Hồ	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 32' 40"	106° 27' 40"					F-48-81-D-d
thôn 2 Phong Lẫm	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 33' 04"	106° 28' 03"					F-48-81-D-d
thôn 3 Đồng Hòa	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 33' 10"	106° 28' 43"					F-48-81-D-d
thôn 3 Đông Hồ	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 32' 51"	106° 27' 27"					F-48-81-D-d
thôn 3 Phong Lẫm	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 32' 59"	106° 27' 55"					F-48-81-D-d
thôn 4 Phong Lẫm	DC	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 32' 54"	106° 27' 50"					F-48-81-D-d
đền Đông Hồ	KX	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 32' 33"	106° 27' 51"					F-48-81-D-d
đình Đồng Hòa	KX	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 33' 13"	106° 28' 51"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 455	KX	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 16' 35"	20° 33' 09"	106° 28' 10"	F-48-81-D-d
Đường tỉnh 456	KX	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-81-D-d
nhà lưu niệm Phạm Thế Hiển	KX	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 33' 10"	106° 28' 49"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Phó bảng Phạm Thế Húc	KX	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy	20° 33' 11"	106° 28' 49"					F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
sông Phong Lẫm	TV	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy			20° 32' 24"	106° 28' 04"	20° 34' 09"	106° 32' 51"	F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Thụy Phong	H. Thái Thụy			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-d
thôn Bái Thượng	DC	xã Thụy Phúc	H. Thái Thụy	20° 34' 11"	106° 29' 36"					F-48-81-D-d
thôn Ry Phúc	DC	xã Thụy Phúc	H. Thái Thụy	20° 34' 23"	106° 30' 10"					F-48-82-C-c
thôn Thuyền Đỗ	DC	xã Thụy Phúc	H. Thái Thụy	20° 34' 18"	106° 29' 56"					F-48-81-D-d, F-48-82-C-c
đền làng Ry Phúc	KX	xã Thụy Phúc	H. Thái Thụy	20° 34' 26"	106° 30' 09"					F-48-82-C-c
Khu di tích đền, chùa Bái Thượng	KX	xã Thụy Phúc	H. Thái Thụy	20° 34' 16"	106° 29' 34"					F-48-81-D-d
thôn Đông Đoài	DC	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 27"	106° 33' 08"					F-48-82-C-c
thôn Hoa Quận	DC	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 43"	106° 33' 07"					F-48-82-C-c
thôn Kha Lý	DC	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 52"	106° 32' 32"					F-48-82-C-c
thôn Quỳnh Lý	DC	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 36"	106° 32' 28"					F-48-82-C-c
thôn Thọ Cách	DC	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 36' 14"	106° 32' 21"					F-48-82-C-c
thôn Tứ Cường	DC	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 36' 06"	106° 33' 04"					F-48-82-C-c
thôn Vân Am	DC	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 50"	106° 32' 06"					F-48-82-C-c
chùa làng Quỳnh Lý	KX	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 27"	106° 32' 25"					F-48-82-C-c
đình Làng Quỳnh Lý	KX	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 35"	106° 32' 26"					F-48-82-C-c
đình Thọ Cách	KX	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 36' 20"	106° 32' 17"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đình Đoài	KX	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 31"	106° 33' 07"					F-48-82-C-c
Đình Hoa	KX	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 52"	106° 33' 05"					F-48-82-C-c
Khu di tích đình, chùa Quận	KX	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 46"	106° 33' 07"					F-48-82-C-c
miếu Quốc Long	KX	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 36' 17"	106° 32' 57"					F-48-82-C-c
Quốc lộ 37	KX	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-c
từ Kha Lý	KX	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy	20° 35' 41"	106° 32' 36"					F-48-82-C-c
Sông Hóa	TV	xã Thụy Quỳnh	H. Thái Thụy			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-c
thôn Hạ Đồng	DC	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy	20° 32' 31"	106° 29' 29"					F-48-81-D-d
thôn Ngọc Thanh	DC	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy	20° 32' 54"	106° 30' 12"					F-48-82-C-c
thôn Nhạo Sơn	DC	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy	20° 33' 23"	106° 29' 34"					F-48-81-D-d
thôn Quân Động	DC	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy	20° 32' 17"	106° 29' 08"					F-48-81-D-d
thôn Thượng Phúc	DC	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy	20° 33' 32"	106° 30' 03"					F-48-82-C-c, F-48-81-D-d
thôn Thượng Phúc Đông	DC	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy	20° 33' 45"	106° 30' 27"					F-48-82-C-c
thôn Trà Xanh	DC	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy	20° 33' 40"	106° 31' 02"					F-48-82-C-c
thôn Tử Đô	DC	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy	20° 33' 17"	106° 29' 12"					F-48-81-D-d
đền Hạ Đồng	KX	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy	20° 32' 23"	106° 29' 16"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 456	KX	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-82-C-c, F-48-81-D-d
sông Diêm Hộ	TV	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-82-C-c, F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Phong Lẫm	TV	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy			20° 32' 24"	106° 28' 04"	20° 34' 09"	106° 32' 51"	F-48-82-C-c, F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Thụy Sơn	H. Thái Thụy			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-82-C-c, F-48-81-D-d
thôn Tân An	DC	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy	20° 37' 19"	106° 35' 20"					F-48-82-C-c
thôn Tân Cường	DC	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy	20° 37' 14"	106° 35' 33"					F-48-82-C-c
thôn Tân Dũng	DC	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy	20° 37' 16"	106° 35' 10"					F-48-82-C-c
thôn Tân Phương	DC	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy	20° 37' 24"	106° 35' 05"					F-48-82-C-c
thôn Tân Trường	DC	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy	20° 37' 07"	106° 35' 33"					F-48-82-C-c
Cụm công nghiệp Thụy Tân	KX	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy	20° 37' 24"	106° 34' 54"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 461	KX	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy			20° 33' 42"	106° 33' 56"	20° 37' 18"	106° 34' 49"	F-48-82-C-c
tuyến đò Cống C1	KX	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy	20° 38' 25"	106° 36' 01"					F-48-82-C-a
Sông Hóa	TV	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Thụy Tân	H. Thái Thụy			20° 38' 27"	106° 35' 59"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Khúc Mai	DC	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy	20° 33' 30"	106° 26' 19"					F-48-81-D-d
thôn Thanh Do	DC	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy	20° 33' 21"	106° 27' 09"					F-48-81-D-d
thôn Vô Hối Đông	DC	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy	20° 32' 42"	106° 26' 43"					F-48-81-D-d
thôn Vô Hối Tây	DC	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy	20° 32' 51"	106° 26' 10"					F-48-81-D-d
cầu Vô Hối	KX	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy	20° 32' 36"	106° 26' 17"					F-48-81-D-d
đền Vô Hối	KX	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy	20° 32' 29"	106° 26' 33"					F-48-81-D-d
Đường tỉnh 456	KX	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy			20° 32' 32"	106° 26' 13"	20° 33' 26"	106° 33' 20"	F-48-81-D-d
miếu Khúc Mai	KX	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy	20° 33' 21"	106° 26' 03"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Diêm Hộ	TV	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy			20° 37' 56"	106° 21' 35"	20° 32' 24"	106° 35' 31"	F-48-81-D-d
sông Tiên Hưng	TV	xã Thụy Thanh	H. Thái Thụy			20° 38' 30"	106° 13' 00"	20° 32' 22"	106° 31' 09"	F-48-81-D-d
Thôn Bắc	DC	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy	20° 35' 26"	106° 34' 09"					F-48-82-C-c
thôn Bắc Ô Trình	DC	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy	20° 34' 46"	106° 33' 09"					F-48-82-C-c
Thôn Đoài	DC	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy	20° 34' 34"	106° 33' 36"					F-48-82-C-c
Thôn Đông	DC	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy	20° 35' 00"	106° 34' 12"					F-48-82-C-c
thôn Nam Ô Trình	DC	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy	20° 34' 32"	106° 33' 03"					F-48-82-C-c
Thôn Thượng	DC	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy	20° 35' 12"	106° 33' 50"					F-48-82-C-c
chùa Phú Xuân	KX	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy	20° 35' 36"	106° 33' 58"					F-48-82-C-c
Khu di tích đình, miếu làng Ô Trình	KX	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy	20° 34' 33"	106° 33' 00"					F-48-82-C-c
Miếu Chính	KX	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy	20° 34' 56"	106° 34' 06"					F-48-82-C-c
Quốc lộ 37	KX	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 2)	TV	xã Thụy Trình	H. Thái Thụy			20° 34' 24"	106° 33' 42"	20° 36' 01"	106° 35' 03"	F-48-82-C-c
thôn Chỉ Bồ	DC	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 22"	106° 36' 41"					F-48-82-C-c
thôn Đông Ninh	DC	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 19"	106° 36' 28"					F-48-82-C-c
thôn Đồng Xuân	DC	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 02"	106° 37' 01"					F-48-82-C-c
thôn Lỗ Trường	DC	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 37"	106° 36' 50"					F-48-82-C-c
thôn Tam Tri	DC	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 01"	106° 36' 47"					F-48-82-C-c
thôn Thượng Phúc	DC	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 02"	106° 36' 18"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tri Chỉ Nam	DC	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 35' 59"	106° 36' 32"					F-48-82-C-c
thôn Tri Chỉ Phú	DC	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 16"	106° 36' 21"					F-48-82-C-c
thôn Trường Xuân	DC	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 29"	106° 37' 13"					F-48-82-C-c
chùa Chỉ Bồ	KX	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 40"	106° 36' 42"					F-48-82-C-c
Chùa Bến	KX	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 26"	106° 36' 51"					F-48-82-C-c
Chùa Sú	KX	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 40"	106° 36' 14"					F-48-82-C-c
chùa Vĩnh Phúc	KX	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 06"	106° 36' 19"					F-48-82-C-c
Đền Chòi	KX	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 50"	106° 36' 54"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 461	KX	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy			20° 33' 42"	106° 33' 56"	20° 37' 18"	106° 34' 49"	F-48-82-C-c
Khu di tích đình, chùa Lỗ Trường	KX	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy	20° 36' 41"	106° 36' 53"					F-48-82-C-c
sông Thái Bình	TV	xã Thụy Trường	H. Thái Thụy			20° 38' 27"	106° 35' 59"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-b
thôn 1 An Định	DC	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 34' 59"	106° 31' 36"					F-48-82-C-c
thôn 1 Hoành Sơn	DC	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 34' 53"	106° 31' 02"					F-48-82-C-c
thôn 2 An Định	DC	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 34' 49"	106° 31' 32"					F-48-82-C-c
thôn 2 Hoành Sơn	DC	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 35' 04"	106° 31' 02"					F-48-82-C-c
thôn 3 An Định	DC	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 34' 39"	106° 31' 23"					F-48-82-C-c
thôn 3 Hoành Sơn	DC	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 35' 07"	106° 31' 10"					F-48-82-C-c
thôn Văn Tràng	DC	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 35' 26"	106° 31' 53"					F-48-82-C-c
chùa Hoành Sơn	KX	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 34' 43"	106° 30' 55"					F-48-82-C-c
làng nghề Mộc - May mặc An Định	KX	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 34' 47"	106° 31' 30"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Từ Giành	KX	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 34' 52"	106° 31' 21"					F-48-82-C-c
từ Hoành Sơn	KX	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy	20° 34' 51"	106° 31' 09"					F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Văn	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-82-C-c
thôn An Cúc Đông	DC	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy	20° 35' 57"	106° 30' 21"					F-48-82-C-c
thôn An Cúc Tây	DC	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy	20° 35' 56"	106° 30' 07"					F-48-82-C-c, F-48-81-D-d
thôn Cao Trai	DC	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy	20° 35' 51"	106° 30' 44"					F-48-82-C-c
thôn Hòa Đồng	DC	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy	20° 35' 44"	106° 30' 15"					F-48-82-C-c
thôn Việt Tân	DC	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy	20° 36' 27"	106° 30' 38"					F-48-82-C-c
Chợ Gọc	KX	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy	20° 35' 48"	106° 30' 27"					F-48-82-C-c
đền Gọc Chợ	KX	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy	20° 35' 51"	106° 29' 59"					F-48-81-D-d
đền Tứ Xã	KX	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy	20° 35' 48"	106° 30' 36"					F-48-82-C-c
tuyến đò Cõi	KX	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy	20° 36' 54"	106° 30' 29"					F-48-82-C-c
Sông Hóa	TV	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-d, F-48-82-C-c
Sông Sinh (nhánh 1)	TV	xã Thụy Việt	H. Thái Thụy			20° 36' 37"	106° 27' 38"	20° 33' 45"	106° 33' 59"	F-48-82-C-c
thôn Bình An	DC	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 42"	106° 36' 08"					F-48-82-C-c
thôn Bình Xuân	DC	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 27"	106° 36' 01"					F-48-82-C-c
thôn Minh Vũ	DC	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 42"	106° 36' 25"					F-48-82-C-c
thôn Phấn Vũ Nam	DC	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 36"	106° 36' 24"					F-48-82-C-c
thôn Vạn Xuân Đông	DC	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 38"	106° 36' 17"					F-48-82-C-c
thôn Vạn Xuân Nam	DC	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 32"	106° 36' 15"					F-48-82-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vũ Đông	DC	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 45"	106° 36' 31"					F-48-82-C-c
thôn Xuân Bàng	DC	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 49"	106° 36' 25"					F-48-82-C-c
đền Mẫu Vạn Xuân	KX	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 47"	106° 36' 21"					F-48-82-C-c
Đình Bẩy	KX	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 45"	106° 36' 39"					F-48-82-C-c
đình Vạn Xuân	KX	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 28"	106° 36' 02"					F-48-82-C-c
Đường tỉnh 461	KX	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy			20° 33' 42"	106° 33' 56"	20° 37' 18"	106° 34' 49"	F-48-82-C-c
Khu di tích đình, chùa Làng Phấn Vũ	KX	xã Thụy Xuân	H. Thái Thụy	20° 35' 40"	106° 36' 32"					F-48-82-C-c
phố Hùng Thắng	DC	TT. Tiền Hải	H. Tiền Hải	20° 24' 03"	106° 29' 42"					F-48-93-B-b
phố Tiểu Hoàng	DC	TT. Tiền Hải	H. Tiền Hải	20° 24' 20"	106° 30' 01"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 465	KX	TT. Tiền Hải	H. Tiền Hải			20° 24' 23"	106° 30' 08"	20° 24' 33"	106° 35' 11"	F-48-94-A-a
lăng tưởng niệm Nguyễn Công Trứ	KX	TT. Tiền Hải	H. Tiền Hải	20° 24' 15"	106° 30' 29"					F-48-94-A-a
nhà thờ họ Trần	KX	TT. Tiền Hải	H. Tiền Hải	20° 24' 03"	106° 29' 56"					F-48-93-B-b
Quốc lộ 37B	KX	TT. Tiền Hải	H. Tiền Hải			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-b, F-48-94-A-a
thôn Trình Nhất Đông	DC	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 24' 16"	106° 28' 48"					F-48-93-B-b
thôn Trình Nhất Tây	DC	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 24' 31"	106° 28' 40"					F-48-93-B-b
thôn Trình Nhì	DC	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 23' 32"	106° 29' 28"					F-48-93-B-b
thôn Trình Trung Đông	DC	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 23' 58"	106° 29' 05"					F-48-93-B-b
thôn Trình Trung Tây	DC	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 23' 41"	106° 28' 45"					F-48-93-B-b
Xóm 7	DC	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 24' 02"	106° 29' 10"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện 37	KX	xã An Ninh	H. Tiền Hải			20° 23' 56"	106° 28' 54"	20° 22' 13"	106° 29' 55"	F-48-93-B-b
Khu lưu niệm Văn thân yêu nước Ngô Quang Bích	KX	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 24' 16"	106° 28' 34"					F-48-93-B-b
miếu Nội Hon	KX	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 24' 17"	106° 28' 23"					F-48-93-B-b
nhà lưu niệm Bùi Viện	KX	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 23' 43"	106° 28' 49"					F-48-93-B-b
nhà lưu niệm Đồng chí Vũ Trọng	KX	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 24' 26"	106° 28' 42"					F-48-93-B-b
Quốc lộ 37B	KX	xã An Ninh	H. Tiền Hải			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-b
từ đường họ Chu Đại Tôn	KX	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 23' 45"	106° 28' 49"					F-48-93-B-b
từ đường họ Ngô	KX	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 24' 16"	106° 28' 38"					F-48-93-B-b
từ đường họ Phạm	KX	xã An Ninh	H. Tiền Hải	20° 23' 37"	106° 28' 40"					F-48-93-B-b
sông Cống Tam Đồng	TV	xã An Ninh	H. Tiền Hải			20° 26' 41"	106° 30' 16"	20° 25' 06"	106° 28' 40"	F-48-93-B-b
thôn An Nhân Bình	DC	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 46"	106° 28' 21"					F-48-93-B-d
thôn An Nhân Hưng	DC	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 20' 17"	106° 28' 21"					F-48-93-B-d
thôn An Phú	DC	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 20' 53"	106° 28' 39"					F-48-93-B-d
thôn Bát Cấp Đông	DC	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 20' 60"	106° 29' 00"					F-48-93-B-d
thôn Bát Cấp Nam	DC	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 20' 46"	106° 28' 55"					F-48-93-B-d
thôn Nam Trạch	DC	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 21' 16"	106° 28' 57"					F-48-93-B-d
thôn Nam Trại	DC	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 21' 19"	106° 28' 18"					F-48-93-B-d
đình Vát Cấp (đình Bát Cấp Nam)	KX	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 20' 44"	106° 28' 53"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường họ Trần chi 2	KX	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 20' 51"	106° 29' 00"					F-48-93-B-d
từ đường họ Trần chi trên	KX	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải	20° 20' 53"	106° 28' 55"					F-48-93-B-d
sông Cốc Giang	TV	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải			20° 21' 57"	106° 28' 02"	20° 18' 31"	106° 28' 47"	F-48-93-B-d
sông Kiến Giang	TV	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-d
Sông Lân	TV	xã Bắc Hải	H. Tiền Hải			20° 18' 29"	106° 29' 28"	20° 21' 17"	106° 29' 30"	F-48-93-B-d
thôn Cam Lai	DC	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải	20° 23' 54"	106° 32' 33"					F-48-94-A-a
thôn Đức Cơ	DC	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải	20° 23' 43"	106° 32' 32"					F-48-94-A-a
thôn Lương Điền	DC	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải	20° 24' 24"	106° 32' 28"					F-48-94-A-a
thôn Trinh Cát	DC	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải	20° 24' 07"	106° 32' 37"					F-48-94-A-a
đền Đức Cơ	KX	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải	20° 23' 37"	106° 32' 14"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 465	KX	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải			20° 24' 23"	106° 30' 08"	20° 24' 33"	106° 35' 11"	F-48-94-A-a
Khu công nghiệp Tiền Hải	KX	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải	20° 23' 29"	106° 31' 22"					F-48-94-A-a
Nhà máy Nước khoáng Vital	KX	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải	20° 23' 37"	106° 31' 43"					F-48-94-A-a
Nhà máy Sứ Thái Bình	KX	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải	20° 23' 37"	106° 31' 57"					F-48-94-A-a
Sông Cá	TV	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải			20° 27' 48"	106° 32' 47"	20° 22' 57"	106° 34' 04"	F-48-94-A-a
Sông Vàng	TV	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải			20° 27' 39"	106° 35' 06"	20° 24' 03"	106° 33' 53"	F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Đông Cơ	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
thôn Tân Hải	DC	xã Đông Hải	H. Tiền Hải	20° 28' 07"	106° 33' 41"					F-48-94-A-a
thôn Thành Long	DC	xã Đông Hải	H. Tiền Hải	20° 27' 43"	106° 33' 53"					F-48-94-A-a
đền Quan Tiền Chấn	KX	xã Đông Hải	H. Tiền Hải	20° 27' 48"	106° 33' 47"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Trà Lý	TV	xã Đông Hải	H. Tiền Hải			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-94-A-a
thôn Bạch Long	DC	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 25' 21"	106° 34' 35"					F-48-94-A-a
thôn Chỉ Trung	DC	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 26' 04"	106° 34' 15"					F-48-94-A-a
thôn Đông Hoàng	DC	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 25' 34"	106° 34' 36"					F-48-94-A-a
thôn Hải Long	DC	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 25' 28"	106° 35' 23"					F-48-94-A-a
thôn Mỹ Đức	DC	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 25' 59"	106° 34' 36"					F-48-94-A-a
thôn Tân Lạc	DC	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 25' 45"	106° 34' 37"					F-48-94-A-a
thôn Vũ Xá	DC	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 25' 09"	106° 34' 35"					F-48-94-A-a
đình Chỉ Trung	KX	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 26' 08"	106° 34' 11"					F-48-94-A-a
đình Làng Đông Hoàng	KX	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 25' 36"	106° 34' 39"					F-48-94-A-a
đình Tân Lạc	KX	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 25' 49"	106° 34' 39"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 464	KX	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 30' 47"	20° 24' 05"	106° 34' 34"	F-48-94-A-a
miếu Mỹ Đức	KX	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải	20° 25' 55"	106° 34' 21"					F-48-94-A-a
Sông Cá	TV	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải			20° 27' 48"	106° 32' 47"	20° 22' 57"	106° 34' 04"	F-48-94-A-a
Sông Vàng	TV	xã Đông Hoàng	H. Tiền Hải			20° 27' 39"	106° 35' 06"	20° 24' 03"	106° 33' 53"	F-48-94-A-a
thôn Nho Lâm Đông	DC	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 14"	106° 32' 32"					F-48-94-A-a
thôn Nho Lâm Tây	DC	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 08"	106° 32' 21"					F-48-94-A-a
thôn Thanh Tây	DC	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 28"	106° 32' 19"					F-48-94-A-a
thôn Thanh Đông	DC	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 32"	106° 32' 42"					F-48-94-A-a
đình Nho Lâm	KX	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 12"	106° 32' 44"					F-48-94-A-a
đình Thanh Giám	KX	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 29"	106° 32' 33"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 465	KX	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải			20° 24' 23"	106° 30' 08"	20° 24' 33"	106° 35' 11"	F-48-94-A-a
Khu công nghiệp Tiền Hải	KX	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 29"	106° 31' 22"					F-48-94-A-a
Nhà máy Gạch lát ITALIA	KX	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 27"	106° 31' 15"					F-48-94-A-a
Nhà máy Gạch men Long Hầu	KX	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 28"	106° 31' 11"					F-48-94-A-a
Nhà máy MIKADO	KX	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải	20° 23' 28"	106° 31' 36"					F-48-94-A-a
Sông Cá	TV	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải			20° 27' 48"	106° 32' 47"	20° 22' 57"	106° 34' 04"	F-48-94-A-a
sông Kiến Giang	TV	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Đông Lâm	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
thôn Hưng Long Bắc	DC	xã Đông Long	H. Tiền Hải	20° 27' 21"	106° 35' 23"					F-48-94-A-a
thôn Hưng Long Nam	DC	xã Đông Long	H. Tiền Hải	20° 26' 35"	106° 35' 38"					F-48-94-A-a
thôn Hưng Thịnh	DC	xã Đông Long	H. Tiền Hải	20° 26' 45"	106° 34' 29"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 464	KX	xã Đông Long	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 30' 47"	20° 24' 05"	106° 34' 34"	F-48-94-A-a
Sông Vàng	TV	xã Đông Long	H. Tiền Hải			20° 27' 39"	106° 35' 06"	20° 24' 03"	106° 33' 53"	F-48-94-A-a
cửa Trà Lý	TV	xã Đông Long	H. Tiền Hải	20° 28' 00"	106° 36' 02"					F-48-94-A-a
sông Trà Lý	TV	xã Đông Long	H. Tiền Hải			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-94-A-a
thôn Đồng Châu	DC	xã Đông Minh	H. Tiền Hải	20° 24' 44"	106° 35' 10"					F-48-94-A-a
thôn Đồng Châu Nội	DC	xã Đông Minh	H. Tiền Hải	20° 24' 48"	106° 34' 34"					F-48-94-A-a
thôn Minh Châu	DC	xã Đông Minh	H. Tiền Hải	20° 23' 43"	106° 34' 34"					F-48-94-A-a
thôn Ngải Châu	DC	xã Đông Minh	H. Tiền Hải	20° 22' 50"	106° 34' 25"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thanh Lâm	DC	xã Đông Minh	H. Tiền Hải	20° 23' 16"	106° 34' 20"					F-48-94-A-a
chùa Minh Châu	KX	xã Đông Minh	H. Tiền Hải	20° 23' 39"	106° 34' 36"					F-48-94-A-a
đền Cửa Lân	KX	xã Đông Minh	H. Tiền Hải	20° 22' 42"	106° 34' 07"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 464	KX	xã Đông Minh	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 30' 47"	20° 24' 05"	106° 34' 34"	F-48-94-A-a
Đường tỉnh 465	KX	xã Đông Minh	H. Tiền Hải			20° 24' 23"	106° 30' 08"	20° 24' 33"	106° 35' 11"	F-48-94-A-a
Cửa Lân	TV	xã Đông Minh	H. Tiền Hải	20° 22' 21"	106° 35' 17"					F-48-94-A-c
Lạch Lân	TV	xã Đông Minh	H. Tiền Hải			20° 22' 53"	106° 33' 54"	20° 22' 21"	106° 35' 17"	F-48-94-A-a, F-48-94-A-c
Sông Cá	TV	xã Đông Minh	H. Tiền Hải			20° 27' 48"	106° 32' 47"	20° 22' 57"	106° 34' 04"	F-48-94-A-a
Sông Vàng	TV	xã Đông Minh	H. Tiền Hải			20° 27' 39"	106° 35' 06"	20° 24' 03"	106° 33' 53"	F-48-94-A-a
thôn Lạc Thiện	DC	xã Đông Phong	H. Tiền Hải	20° 25' 10"	106° 32' 26"					F-48-94-A-a
thôn Phong Lai	DC	xã Đông Phong	H. Tiền Hải	20° 25' 18"	106° 32' 16"					F-48-94-A-a
thôn Văn Hải	DC	xã Đông Phong	H. Tiền Hải	20° 24' 43"	106° 32' 20"					F-48-94-A-a
thôn Vũ Xá	DC	xã Đông Phong	H. Tiền Hải	20° 24' 59"	106° 32' 32"					F-48-94-A-a
đình Lạc Thiện	KX	xã Đông Phong	H. Tiền Hải	20° 25' 05"	106° 32' 12"					F-48-94-A-a
đình Phong Lai	KX	xã Đông Phong	H. Tiền Hải	20° 25' 16"	106° 32' 19"					F-48-94-A-a
đình Văn Hải	KX	xã Đông Phong	H. Tiền Hải	20° 24' 36"	106° 32' 28"					F-48-94-A-a
đình Vũ Xá	KX	xã Đông Phong	H. Tiền Hải	20° 24' 59"	106° 32' 16"					F-48-94-A-a
Sông Cá	TV	xã Đông Phong	H. Tiền Hải			20° 27' 48"	106° 32' 47"	20° 22' 57"	106° 34' 04"	F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Đông Phong	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
thôn Hải Nhuận	DC	xã Đông Quý	H. Tiền Hải	20° 26' 15"	106° 32' 12"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lợi Thành	DC	xã Đông Quý	H. Tiền Hải	20° 27' 14"	106° 32' 15"					F-48-94-A-a
thôn Ốc Nhuận	DC	xã Đông Quý	H. Tiền Hải	20° 26' 31"	106° 32' 15"					F-48-94-A-a
thôn Quý Đức	DC	xã Đông Quý	H. Tiền Hải	20° 26' 46"	106° 32' 53"					F-48-94-A-a
thôn Trà Lý	DC	xã Đông Quý	H. Tiền Hải	20° 26' 34"	106° 31' 16"					F-48-94-A-a
đình Làng Hải Nhuận	KX	xã Đông Quý	H. Tiền Hải	20° 26' 11"	106° 32' 11"					F-48-94-A-a
đình Làng Ốc Nhuận	KX	xã Đông Quý	H. Tiền Hải	20° 26' 31"	106° 32' 16"					F-48-94-A-a
đình Quý Đức Tây	KX	xã Đông Quý	H. Tiền Hải	20° 26' 32"	106° 32' 29"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 464	KX	xã Đông Quý	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 30' 47"	20° 24' 05"	106° 34' 34"	F-48-94-A-a
Sông Cá	TV	xã Đông Quý	H. Tiền Hải			20° 27' 48"	106° 32' 47"	20° 22' 57"	106° 34' 04"	F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Đông Quý	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
sông Trà Lý	TV	xã Đông Quý	H. Tiền Hải			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-94-A-a
thôn Định Cư Đông	DC	xã Đông Trà	H. Tiền Hải	20° 27' 40"	106° 33' 12"					F-48-94-A-a
thôn Định Cư Tây	DC	xã Đông Trà	H. Tiền Hải	20° 27' 28"	106° 32' 44"					F-48-94-A-a
thôn Phụ Thành	DC	xã Đông Trà	H. Tiền Hải	20° 27' 14"	106° 33' 57"					F-48-94-A-a
Xóm 5	DC	xã Đông Trà	H. Tiền Hải	20° 27' 21"	106° 33' 04"					F-48-94-A-a
chùa An Định	KX	xã Đông Trà	H. Tiền Hải	20° 27' 06"	106° 32' 31"					F-48-94-A-a
đình Định Cư	KX	xã Đông Trà	H. Tiền Hải	20° 27' 33"	106° 33' 15"					F-48-94-A-a
tuyến đò Dâu	KX	xã Đông Trà	H. Tiền Hải	20° 28' 12"	106° 33' 13"					F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Đông Trà	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
sông Trà Lý	TV	xã Đông Trà	H. Tiền Hải			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-94-A-a
Sông Cá	TV	xã Đông Trà	H. Tiền Hải			20° 27' 48"	106° 32' 47"	20° 22' 57"	106° 34' 04"	F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Phụ	DC	xã Đông Trung	H. Tiền Hải	20° 26' 07"	106° 32' 49"					F-48-94-A-a
thôn Chỉ Trung	DC	xã Đông Trung	H. Tiền Hải	20° 25' 56"	106° 33' 11"					F-48-94-A-a
thôn Mỹ Đức	DC	xã Đông Trung	H. Tiền Hải	20° 25' 45"	106° 32' 58"					F-48-94-A-a
thôn Phong Lạc	DC	xã Đông Trung	H. Tiền Hải	20° 25' 31"	106° 32' 15"					F-48-94-A-a
cầu Phong Lạc	KX	xã Đông Trung	H. Tiền Hải	20° 25' 34"	106° 31' 56"					F-48-94-A-a
đình An Cư	KX	xã Đông Trung	H. Tiền Hải	20° 26' 05"	106° 32' 49"					F-48-94-A-a
đình Phong Lạc	KX	xã Đông Trung	H. Tiền Hải	20° 25' 32"	106° 31' 57"					F-48-94-A-a
đình Phụ Quách	KX	xã Đông Trung	H. Tiền Hải	20° 26' 12"	106° 32' 57"					F-48-94-A-a
Sông Cá	TV	xã Đông Trung	H. Tiền Hải			20° 27' 48"	106° 32' 47"	20° 22' 57"	106° 34' 04"	F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Đông Trung	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
thôn An Cư	DC	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải	20° 26' 15"	106° 34' 08"					F-48-94-A-a
thôn Hải Long	DC	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải	20° 27' 41"	106° 34' 54"					F-48-94-A-a
thôn Kênh Xuyên	DC	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải	20° 26' 36"	106° 33' 50"					F-48-94-A-a
thôn Quý Đức	DC	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải	20° 26' 48"	106° 33' 49"					F-48-94-A-a
đền Trần Đông Xuyên	KX	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải	20° 26' 39"	106° 34' 08"					F-48-94-A-a
đình An Cư	KX	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải	20° 26' 17"	106° 34' 05"					F-48-94-A-a
đình Kênh Xuyên	KX	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải	20° 26' 35"	106° 33' 47"					F-48-94-A-a
đình Quý Đức	KX	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải	20° 26' 47"	106° 33' 12"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 464	KX	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 30' 47"	20° 24' 05"	106° 34' 34"	F-48-94-A-a
Sông Cá	TV	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải			20° 27' 48"	106° 32' 47"	20° 22' 57"	106° 34' 04"	F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Đông Xuyên	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Chính	DC	xã Nam Chính	H. Tiền Hải	20° 21' 37"	106° 31' 51"					F-48-94-A-c
thôn Hữu Vy Bắc	DC	xã Nam Chính	H. Tiền Hải	20° 21' 15"	106° 30' 49"					F-48-94-A-c
thôn Hữu Vy Nam	DC	xã Nam Chính	H. Tiền Hải	20° 21' 03"	106° 30' 53"					F-48-94-A-c
thôn Năng Tĩnh	DC	xã Nam Chính	H. Tiền Hải	20° 20' 57"	106° 31' 27"					F-48-94-A-c
thôn Thủ Chính	DC	xã Nam Chính	H. Tiền Hải	20° 21' 02"	106° 32' 07"					F-48-94-A-c
cầu Tám Tấn	KX	xã Nam Chính	H. Tiền Hải	20° 22' 01"	106° 32' 05"					F-48-94-A-c
đền thờ Nguyễn Công Trứ	KX	xã Nam Chính	H. Tiền Hải	20° 21' 08"	106° 31' 29"					F-48-94-A-c
đình Hữu Vi	KX	xã Nam Chính	H. Tiền Hải	20° 21' 11"	106° 30' 41"					F-48-94-A-c
đình Thủ Chính	KX	xã Nam Chính	H. Tiền Hải	20° 21' 00"	106° 31' 54"					F-48-94-A-c
Đường tỉnh 462	KX	xã Nam Chính	H. Tiền Hải			20° 23' 57"	106° 30' 25"	20° 18' 40"	106° 34' 09"	F-48-94-A-c
sông Kiến Giang	TV	xã Nam Chính	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-94-A-c
thôn Chí Cường	DC	xã Nam Cường	H. Tiền Hải	20° 22' 23"	106° 33' 37"					F-48-94-A-c
thôn Đức Cường	DC	xã Nam Cường	H. Tiền Hải	20° 22' 19"	106° 33' 24"					F-48-94-A-c
thôn Hoàng Môn	DC	xã Nam Cường	H. Tiền Hải	20° 22' 58"	106° 33' 22"					F-48-94-A-a
chùa Thiên Long	KX	xã Nam Cường	H. Tiền Hải	20° 22' 15"	106° 33' 20"					F-48-94-A-c
Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Nam Cường	H. Tiền Hải	20° 22' 13"	106° 33' 26"					F-48-94-A-c
Lạch Lân	TV	xã Nam Cường	H. Tiền Hải			20° 22' 53"	106° 33' 54"	20° 22' 21"	106° 35' 17"	F-48-94-A-a, F-48-94-A-c
sông Kiến Giang	TV	xã Nam Cường	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-94-A-a, F-48-94-A-c
thôn An Hạ	DC	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 18' 45"	106° 28' 50"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Tứ	DC	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 01"	106° 29' 12"					F-48-93-B-d
thôn Đông La	DC	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 28"	106° 29' 57"					F-48-93-B-d
thôn Nội Lang Bắc	DC	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 34"	106° 29' 26"					F-48-93-B-d
thôn Nội Lang Nam	DC	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 16"	106° 29' 43"					F-48-93-B-d
thôn Nội Lang Tây	DC	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 18' 57"	106° 29' 05"					F-48-93-B-d
thôn Nội Lang Trung	DC	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 20"	106° 29' 35"					F-48-93-B-d
thôn Thục Thiện	DC	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 06"	106° 29' 20"					F-48-93-B-d
thôn Trung Lang	DC	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 11"	106° 29' 27"					F-48-93-B-d
chùa An Hạ	KX	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 18' 45"	106° 28' 38"					F-48-93-B-d
chùa Kim Đổ	KX	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 38"	106° 29' 16"					F-48-93-B-d
chùa Tây Quang	KX	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 08"	106° 28' 47"					F-48-93-B-d
đền thờ An Dương Vương	KX	xã Nam Hải	H. Tiền Hải	20° 19' 20"	106° 29' 10"					F-48-93-B-d
Sông Hồng	TV	xã Nam Hải	H. Tiền Hải			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
Sông Lân	TV	xã Nam Hải	H. Tiền Hải			20° 18' 29"	106° 29' 28"	20° 21' 17"	106° 29' 30"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
thôn Đông Hào	DC	xã Nam Hà	H. Tiền Hải	20° 19' 56"	106° 29' 42"					F-48-93-B-d
thôn Đông Quách	DC	xã Nam Hà	H. Tiền Hải	20° 20' 53"	106° 30' 16"					F-48-94-A-c
thôn Hướng Tân	DC	xã Nam Hà	H. Tiền Hải	20° 20' 35"	106° 29' 55"					F-48-93-B-d
thôn Vĩnh Trung	DC	xã Nam Hà	H. Tiền Hải	20° 20' 15"	106° 29' 31"					F-48-93-B-d
chùa Long Khánh	KX	xã Nam Hà	H. Tiền Hải	20° 20' 10"	106° 29' 46"					F-48-93-B-d
đình Đông Quách	KX	xã Nam Hà	H. Tiền Hải	20° 20' 56"	106° 30' 09"					F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Kiến Giang	TV	xã Nam Hà	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-94-A-c, F-48-94-B-d
Sông Lân	TV	xã Nam Hà	H. Tiền Hải			20° 18' 29"	106° 29' 28"	20° 21' 17"	106° 29' 30"	F-48-94-B-d
thôn Đông Biên Bắc	DC	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 20' 6"	106° 31' 05"					F-48-94-A-c
thôn Đông Biên Nam	DC	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 19' 33"	106° 31' 25"					F-48-94-A-c
thôn Phú Lâm	DC	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 20' 17"	106° 31' 21"					F-48-94-A-c
thôn Phương Giang	DC	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 19' 23"	106° 30' 24"					F-48-94-A-c
thôn Phương Viên	DC	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 19' 41"	106° 30' 15"					F-48-94-A-c
thôn Tam Bảo	DC	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 19' 57"	106° 30' 45"					F-48-94-A-c
thôn Viên Ngoại	DC	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 19' 45"	106° 30' 44"					F-48-94-A-c
chùa Trùng Quang	KX	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 20' 07"	106° 30' 20"					F-48-94-A-c
đền Viên Ngoại	KX	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 20' 09"	106° 30' 21"					F-48-94-A-c
đình Đông Biên	KX	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 20' 04"	106° 31' 08"					F-48-94-A-c
đình Phú Lâm	KX	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 20' 11"	106° 31' 25"					F-48-94-A-c
Khu di tích đền, chùa Tam Bảo	KX	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải	20° 20' 03"	106° 30' 43"					F-48-94-A-c
Sông Hồng	TV	xã Nam Hồng	H. Tiền Hải			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
thôn Lộc Ninh	DC	xã Nam Hưng	H. Tiền Hải	20° 19' 10"	106° 33' 44"					F-48-94-A-c
thôn Lộc Trung	DC	xã Nam Hưng	H. Tiền Hải	20° 19' 47"	106° 33' 12"					F-48-94-A-c
thôn Tân Trào	DC	xã Nam Hưng	H. Tiền Hải	20° 18' 53"	106° 32' 57"					F-48-94-A-c
đền Lộc Trung	KX	xã Nam Hưng	H. Tiền Hải	20° 19' 55"	106° 33' 16"					F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 462	KX	xã Nam Hưng	H. Tiền Hải			20° 23' 57"	106° 30' 25"	20° 18' 40"	106° 34' 09"	F-48-94-A-c
Sông Hồng	TV	xã Nam Hưng	H. Tiền Hải			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-94-A-c
thôn Bình Thành	DC	xã Nam Phú	H. Tiền Hải	20° 17' 48"	106° 33' 54"					F-48-94-A-c
thôn Hợp Phố	DC	xã Nam Phú	H. Tiền Hải	20° 18' 20"	106° 34' 02"					F-48-94-A-c
thôn Thúy Lạc	DC	xã Nam Phú	H. Tiền Hải	20° 18' 02"	106° 33' 55"					F-48-94-A-c
thôn Trung Thành	DC	xã Nam Phú	H. Tiền Hải	20° 18' 18"	106° 33' 23"					F-48-94-A-c
đền Trung Thành	KX	xã Nam Phú	H. Tiền Hải	20° 18' 31"	106° 33' 31"					F-48-94-A-c
đình Trung Thành	KX	xã Nam Phú	H. Tiền Hải	20° 18' 18"	106° 33' 17"					F-48-94-A-c
Đường tỉnh 462	KX	xã Nam Phú	H. Tiền Hải			20° 23' 57"	106° 30' 25"	20° 18' 40"	106° 34' 09"	F-48-94-A-c
Khu di tích đền, chùa Phúc Thành	KX	xã Nam Phú	H. Tiền Hải	20° 17' 47"	106° 33' 42"					F-48-94-A-c
cửa Ba Lạt	TV	xã Nam Phú	H. Tiền Hải	20° 15' 05"	106° 35' 06"					F-48-94-A-c
Sông Hồng	TV	xã Nam Phú	H. Tiền Hải			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-94-A-c
sông Hồng Lấp	TV	xã Nam Phú	H. Tiền Hải			20° 18' 19"	106° 35' 29"	20° 16' 26"	106° 34' 29"	F-48-94-A-c
Sông Sáu	TV	xã Nam Phú	H. Tiền Hải			20° 18' 43"	106° 33' 28"	20° 17' 28"	106° 33' 20"	F-48-94-A-c
thôn Ái Quốc	DC	xã Nam Thanh	H. Tiền Hải	20° 20' 53"	106° 32' 49"					F-48-94-A-c
thôn Đông Cường	DC	xã Nam Thanh	H. Tiền Hải	20° 21' 00"	106° 33' 12"					F-48-94-A-c
thôn Tiến Lợi	DC	xã Nam Thanh	H. Tiền Hải	20° 21' 15"	106° 32' 41"					F-48-94-A-c
thôn Việt Hùng	DC	xã Nam Thanh	H. Tiền Hải	20° 20' 26"	106° 33' 27"					F-48-94-A-c
thôn Việt Thắng	DC	xã Nam Thanh	H. Tiền Hải	20° 20' 30"	106° 33' 01"					F-48-94-A-c
cầu Nam Trung	KX	xã Nam Thanh	H. Tiền Hải	20° 20' 45"	106° 32' 39"					F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thanh Châu	KX	xã Nam Thanh	H. Tiền Hải	20° 21' 00"	106° 33' 20"					F-48-94-A-c
đền Châu Nhai	KX	xã Nam Thanh	H. Tiền Hải	20° 20' 32"	106° 33' 30"					F-48-94-A-c
Đường tỉnh 462	KX	xã Nam Thanh	H. Tiền Hải			20° 23' 57"	106° 30' 25"	20° 18' 40"	106° 34' 09"	F-48-94-A-c
thôn Nam Đồng Bắc	DC	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 38"	106° 33' 08"					F-48-94-A-c
thôn Nam Đồng Nam	DC	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 37"	106° 33' 14"					F-48-94-A-c
thôn Nam Thành	DC	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 26"	106° 33' 07"					F-48-94-A-c
thôn Rưỡng Trực 1	DC	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 46"	106° 32' 49"					F-48-94-A-c
thôn Rưỡng Trực 2	DC	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 50"	106° 32' 57"					F-48-94-A-c
thôn Rưỡng Trực Nam	DC	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 43"	106° 33' 03"					F-48-94-A-c
thôn Tân Hưng 1	DC	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 28"	106° 33' 28"					F-48-94-A-c
thôn Tân Hưng 2	DC	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 19"	106° 33' 19"					F-48-94-A-c
đền Thanh Châu	KX	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 30"	106° 33' 17"					F-48-94-A-c
đền Trần Hưng Đạo	KX	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 31"	106° 33' 30"					F-48-94-A-c
đình Rưỡng Trực	KX	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 48"	106° 32' 39"					F-48-94-A-c
Khu di tích đình, chùa Nam Đồng	KX	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 40"	106° 33' 00"					F-48-94-A-c
miếu Hàng Giáp	KX	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải	20° 21' 48"	106° 32' 44"					F-48-94-A-c
sông Kiến Giang	TV	xã Nam Thắng	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-94-A-a, F-48-94-A-c
thôn Đồng Lạc	DC	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải	20° 21' 28"	106° 34' 32"					F-48-94-A-c
thôn Hợp Châu	DC	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải	20° 20' 54"	106° 34' 27"					F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quang Thịnh	DC	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải	20° 21' 42"	106° 34' 32"					F-48-94-A-c
thôn Thiện Châu	DC	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải	20° 20' 20"	106° 34' 23"					F-48-94-A-c
thôn Thiện Tường	DC	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải	20° 19' 57"	106° 34' 18"					F-48-94-A-c
bến cá Cửa Lân	KX	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải	20° 21' 60"	106° 34' 25"					F-48-94-A-c
đình Làng Hợp Châu	KX	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải	20° 20' 48"	106° 34' 26"					F-48-94-A-c
đình Làng Thiện Tường	KX	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải	20° 19' 47"	106° 34' 12"					F-48-94-A-c
Cửa Lân	TV	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải	20° 22' 21"	106° 35' 17"					F-48-94-A-c
Lạch Lân	TV	xã Nam Thịnh	H. Tiền Hải			20° 22' 53"	106° 33' 54"	20° 22' 21"	106° 35' 17"	F-48-94-A-c
thôn Ái Quốc	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 43"	106° 32' 05"					F-48-94-A-c
thôn Đại Đồng	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 19"	106° 31' 49"					F-48-94-A-c
thôn Độc Lập	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 28"	106° 32' 12"					F-48-94-A-c
thôn Đông Phú	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 20"	106° 31' 31"					F-48-94-A-c
thôn Hải Định	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 19' 27"	106° 32' 17"					F-48-94-A-c
thôn Hải Ngoại	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 19' 50"	106° 32' 43"					F-48-94-A-c
thôn Hợp Thành	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 30"	106° 31' 46"					F-48-94-A-c
thôn Trung Đồng	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 39"	106° 31' 55"					F-48-94-A-c
thôn Việt Hùng	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 53"	106° 32' 19"					F-48-94-A-c
thôn Vĩnh Trà	DC	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 38"	106° 32' 37"					F-48-94-A-c
cầu Nam Trung	KX	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 45"	106° 32' 39"					F-48-94-A-c
đền thờ Trần Hưng Đạo	KX	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 25"	106° 31' 46"					F-48-94-A-c
đình Đông Phú	KX	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 13"	106° 31' 27"					F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Làng Trung Đồng	KX	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 50"	106° 31' 57"					F-48-94-A-c
đình Roãn Thượng	KX	xã Nam Trung	H. Tiền Hải	20° 20' 38"	106° 31' 43"					F-48-94-A-c
Đường tỉnh 462	KX	xã Nam Trung	H. Tiền Hải			20° 23' 57"	106° 30' 25"	20° 18' 40"	106° 34' 09"	F-48-94-A-c
thôn Công Bồi Đông	DC	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 23' 07"	106° 29' 08"					F-48-93-B-b
thôn Công Bồi Tây	DC	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 22' 48"	106° 28' 45"					F-48-93-B-b
thôn Cổ Rồng	DC	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 23' 18"	106° 29' 26"					F-48-93-B-b
thôn Phương Trạch Đông	DC	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 23' 10"	106° 29' 40"					F-48-93-B-b
thôn Phương Trạch Tây	DC	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 22' 57"	106° 29' 10"					F-48-93-B-b
Xóm 5 (Xóm Đình)	DC	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 22' 46"	106° 29' 04"					F-48-93-B-b
Xóm 7 (Xóm Chùa)	DC	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 23' 17"	106° 29' 40"					F-48-93-B-b
Xóm 9 (Xóm Bia)	DC	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 23' 05"	106° 29' 54"					F-48-93-B-b
đình Công Bồi	KX	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 23' 07"	106° 29' 10"					F-48-93-B-b
Đình Đông (đình Cổ Rồng)	KX	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 23' 14"	106° 29' 25"					F-48-93-B-b
Đường huyện 37	KX	xã Phương Công	H. Tiền Hải			20° 23' 56"	106° 28' 54"	20° 22' 13"	106° 29' 55"	F-48-93-B-b, F-48-93-B-d, F-48-94-A-a, F-48-94-A-c
từ đường họ Phạm	KX	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 23' 20"	106° 29' 37"					F-48-93-B-b
từ đường Thái bộc Tự khanh Trần Quốc Luân	KX	xã Phương Công	H. Tiền Hải	20° 23' 12"	106° 29' 44"					F-48-93-B-b
thôn Hồng Phong	DC	xã Tây An	H. Tiền Hải	20° 24' 29"	106° 29' 36"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tiền Phong	DC	xã Tây An	H. Tiền Hải	20° 24' 58"	106° 29' 45"					F-48-93-B-b
thôn Trung Tiến	DC	xã Tây An	H. Tiền Hải	20° 24' 45"	106° 29' 46"					F-48-93-B-b
Xóm 4	DC	xã Tây An	H. Tiền Hải	20° 24' 36"	106° 29' 38"					F-48-93-B-b
Chùa Đường	KX	xã Tây An	H. Tiền Hải	20° 24' 21"	106° 29' 34"					F-48-93-B-b
Đền Tiền	KX	xã Tây An	H. Tiền Hải	20° 24' 46"	106° 29' 56"					F-48-93-B-b
Đình Hậu	KX	xã Tây An	H. Tiền Hải	20° 24' 44"	106° 29' 35"					F-48-93-B-b
Quốc lộ 37B	KX	xã Tây An	H. Tiền Hải			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-b
sông Cống Tam Đồng	TV	xã Tây An	H. Tiền Hải			20° 26' 41"	106° 30' 16"	20° 25' 06"	106° 28' 40"	F-48-93-B-b
thôn Cát Già	DC	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 14"	106° 30' 19"					F-48-94-A-a
Thôn Đoài	DC	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 34"	106° 29' 44"					F-48-93-B-b
Thôn Đông	DC	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 51"	106° 30' 18"					F-48-94-A-a
Thôn Nam	DC	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 35"	106° 30' 14"					F-48-94-A-a
Thôn Bắc	DC	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 51"	106° 29' 51"					F-48-93-B-b
cầu Cát Già	KX	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 18"	106° 30' 19"					F-48-94-A-a
chùa Thư Điền	KX	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 42"	106° 29' 45"					F-48-94-A-a
Đình Tổ	KX	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 46"	106° 29' 56"					F-48-94-A-a
Đường huyện 37	KX	xã Tây Giang	H. Tiền Hải			20° 23' 56"	106° 28' 54"	20° 22' 13"	106° 29' 55"	F-48-94-A-a, F-48-94-A-c
Đường tỉnh 462	KX	xã Tây Giang	H. Tiền Hải			20° 23' 57"	106° 30' 25"	20° 18' 40"	106° 34' 09"	F-48-94-A-a
Đường tỉnh 465	KX	xã Tây Giang	H. Tiền Hải			20° 24' 23"	106° 30' 08"	20° 24' 33"	106° 35' 11"	F-48-94-A-a
Khu công nghiệp Tiền Hải	KX	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 29"	106° 31' 22"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ họ Tạ	KX	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 34"	106° 29' 40"					F-48-94-A-a
từ đường họ Phạm	KX	xã Tây Giang	H. Tiền Hải	20° 23' 43"	106° 30' 05"					F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Tây Giang	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
Thôn Hiên	DC	xã Tây Lương	H. Tiền Hải	20° 25' 12"	106° 29' 55"					F-48-93-B-b
Thôn Nghĩa	DC	xã Tây Lương	H. Tiền Hải	20° 25' 34"	106° 30' 09"					F-48-94-A-a
thôn Lương Phú	DC	xã Tây Lương	H. Tiền Hải	20° 26' 18"	106° 30' 39"					F-48-94-A-a
thôn Trung Tiến	DC	xã Tây Lương	H. Tiền Hải	20° 26' 21"	106° 29' 51"					F-48-93-B-b
Thôn Thượng	DC	xã Tây Lương	H. Tiền Hải	20° 25' 03"	106° 30' 10"					F-48-94-A-a
cầu Trà Lý	KX	xã Tây Lương	H. Tiền Hải	20° 26' 38"	106° 30' 47"					F-48-94-A-a
đền Bắc Lương Phú	KX	xã Tây Lương	H. Tiền Hải	20° 26' 28"	106° 30' 28"					F-48-94-A-a
đền Quốc mẫu Tứ Vị Vua Bà	KX	xã Tây Lương	H. Tiền Hải	20° 25' 20"	106° 30' 10"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 464	KX	xã Tây Lương	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 30' 47"	20° 24' 05"	106° 34' 34"	F-48-94-A-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Tây Lương	H. Tiền Hải			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-b, F-48-94-A-a
từ đường Tiến sĩ Hoàng Vinh	KX	xã Tây Lương	H. Tiền Hải	20° 24' 58"	106° 30' 05"					F-48-94-A-a
sông Cống Tam Đồng	TV	xã Tây Lương	H. Tiền Hải			20° 26' 41"	106° 30' 16"	20° 25' 06"	106° 28' 40"	F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Tây Lương	H. Tiền Hải			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b, F-48-94-A-a
thôn Đại Hữu	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 15"	106° 31' 10"					F-48-94-A-a
thôn Lạc Thành Bắc	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 25"	106° 30' 37"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lạc Thành Nam	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 00"	106° 30' 31"					F-48-94-A-a
thôn Vĩnh Ninh	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 44"	106° 31' 13"					F-48-94-A-a
xóm Ái Quốc	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 05"	106° 30' 37"					F-48-94-A-a
xóm Bắc Hải	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 57"	106° 31' 14"					F-48-94-A-a
xóm Bắc Ngọc Thụ	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 31"	106° 30' 40"					F-48-94-A-a
xóm Đồng Hưng	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 24' 59"	106° 30' 49"					F-48-94-A-a
xóm Nam Ngọc Thụ	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 53"	106° 30' 45"					F-48-94-A-a
xóm Tây Ngọc Thụ	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 26' 03"	106° 30' 50"					F-48-94-A-a
xóm Trung Sơn	DC	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 17"	106° 30' 35"					F-48-94-A-a
cầu Phong Lạc	KX	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 34"	106° 31' 56"					F-48-94-A-a
đình Đại Hữu	KX	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 22"	106° 31' 14"					F-48-94-A-a
đình Lạc Thành	KX	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 05"	106° 30' 35"					F-48-94-A-a
đình Vĩnh Ninh	KX	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải	20° 25' 43"	106° 31' 11"					F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Tây Ninh	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
thôn Lũ Phong	DC	xã Tây Phong	H. Tiền Hải	20° 22' 21"	106° 30' 40"					F-48-94-A-c
thôn Lưu Phương	DC	xã Tây Phong	H. Tiền Hải	20° 21' 51"	106° 29' 60"					F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
thôn Quân Trạch	DC	xã Tây Phong	H. Tiền Hải	20° 21' 36"	106° 29' 44"					F-48-93-B-d
thôn Riêm Trì	DC	xã Tây Phong	H. Tiền Hải	20° 22' 44"	106° 30' 18"					F-48-94-A-a
đình Làng Lưu Phương	KX	xã Tây Phong	H. Tiền Hải	20° 22' 02"	106° 30' 04"					F-48-94-A-a
đình Riêm Trì	KX	xã Tây Phong	H. Tiền Hải	20° 22' 34"	106° 30' 14"					F-48-94-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Kiến Giang	TV	xã Tây Phong	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-a, F- 48-94-A-c
thôn Bắc Sơn	DC	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải	20° 24' 44"	106° 30' 29"					F-48-94-A-a
thôn Đông Sơn	DC	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải	20° 24' 21"	106° 30' 38"					F-48-94-A-a
thôn Nam Sơn	DC	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải	20° 24' 08"	106° 30' 31"					F-48-94-A-a
thôn Trung Sơn	DC	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải	20° 24' 35"	106° 30' 17"					F-48-94-A-a
cầu Long Hầu	KX	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải	20° 23' 33"	106° 31' 12"					F-48-94-A-a
đình Ngoại Đê	KX	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải	20° 24' 20"	106° 30' 31"					F-48-94-A-a
đình Tiểu Hoàng	KX	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải	20° 24' 33"	106° 30' 16"					F-48-94-A-a
Đường tỉnh 465	KX	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải			20° 24' 23"	106° 30' 08"	20° 24' 33"	106° 35' 11"	F-48-94-A-a
Khu công nghiệp Tiền Hải	KX	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải	20° 23' 29"	106° 31' 22"					F-48-94-A-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải			20° 33' 12"	106° 33' 36"	20° 17' 28"	106° 27' 00"	F-48-93-B-b, F-48-94-A-a
sông Long Hầu	TV	xã Tây Sơn	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
thôn Đông Cao 1	DC	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải	20° 22' 41"	106° 31' 37"					F-48-94-A-a
thôn Đông Cao 2	DC	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải	20° 22' 42"	106° 33' 00"					F-48-94-A-a
thôn Nguyệt Lũ	DC	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải	20° 22' 27"	106° 31' 27"					F-48-94-A-a, F-48-94-A-c
thôn Tân Lập	DC	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải	20° 22' 03"	106° 31' 48"					F-48-94-A-c
Đường tỉnh 462	KX	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải			20° 23' 57"	106° 30' 25"	20° 18' 40"	106° 34' 09"	F-48-94-A-a, F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Cụ Ngô Duy Triệu	KX	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải	20° 22' 37"	106° 31' 46"					F-48-94-A-a
từ đường họ Ngô Duy Phớn	KX	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải	20° 22' 38"	106° 31' 42"					F-48-94-A-a
từ đường họ Ngô Đông Cao	KX	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải	20° 22' 41"	106° 31' 44"					F-48-94-A-a
sông Kiến Giang	TV	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-94-A-a, F- 48-94-A-c
sông Long Hầu	TV	xã Tây Tiến	H. Tiền Hải			20° 27' 25"	106° 32' 14"	20° 22' 54"	106° 33' 04"	F-48-94-A-a
thôn Bắc Trạch 1	DC	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 22' 06"	106° 28' 36"					F-48-93-B-d
thôn Bắc Trạch 2	DC	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 21' 55"	106° 28' 20"					F-48-93-B-d
thôn Quân Bác Đình	DC	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 22' 25"	106° 28' 49"					F-48-93-B-d
thôn Quân Bác Đoài	DC	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 22' 18"	106° 28' 43"					F-48-93-B-d
thôn Quân Bác Đông	DC	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 22' 35"	106° 28' 56"					F-48-93-B-b
thôn Quân Bác Nam	DC	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 21' 42"	106° 29' 07"					F-48-93-B-d
thôn Quân Cao	DC	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 22' 22"	106° 28' 02"					F-48-93-B-d
thôn Rạng Đông	DC	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 22' 07"	106° 28' 22"					F-48-93-B-d
Đình Tổ	KX	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 22' 26"	106° 28' 34"					F-48-93-B-d
từ đường họ Phạm	KX	xã Vân Trường	H. Tiền Hải	20° 21' 45"	106° 28' 22"					F-48-93-B-d
sông Cốc Giang	TV	xã Vân Trường	H. Tiền Hải			20° 21' 57"	106° 28' 02"	20° 18' 31"	106° 28' 47"	F-48-93-B-d
sông Kiến Giang	TV	xã Vân Trường	H. Tiền Hải			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-b, F-48-93-B-d
thôn Hưng Đạo	DC	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải	20° 25' 59"	106° 29' 13"					F-48-93-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lê Lợi	DC	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải	20° 25' 28"	106° 28' 41"					F-48-93-B-b
thôn Tam Đồng	DC	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải	20° 26' 46"	106° 29' 42"					F-48-93-B-b
thôn Thường Kiệt	DC	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải	20° 25' 18"	106° 28' 33"					F-48-93-B-b
thôn Trưng Vương	DC	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải	20° 25' 40"	106° 28' 51"					F-48-93-B-b
Chùa Trung	KX	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải	20° 25' 16"	106° 28' 26"					F-48-93-B-b
đình Tam Đồng	KX	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải	20° 26' 55"	106° 29' 22"					F-48-93-B-b
Mả Bụt	KX	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải	20° 24' 46"	106° 27' 52"					F-48-93-B-b
sông Cống Tam Đồng	TV	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải			20° 26' 41"	106° 30' 16"	20° 25' 06"	106° 28' 40"	F-48-93-B-b
sông Trà Lý	TV	xã Vũ Lăng	H. Tiền Hải			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-b, F-48-94-A-a
tổ dân phố An Bình 1	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 08"	106° 17' 26"					F-48-93-B-a
tổ dân phố An Bình 2	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 09"	106° 17' 33"					F-48-93-B-a
tổ dân phố Hùng Tiến 1	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 08"	106° 16' 40"					F-48-93-B-a
tổ dân phố Hùng Tiến 2	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 07"	106° 16' 46"					F-48-93-B-a
tổ dân phố Minh Tân 1	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 17"	106° 17' 23"					F-48-93-B-a
tổ dân phố Minh Tân 2	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 15"	106° 17' 16"					F-48-93-B-a
tổ dân phố Minh Tiến	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 17"	106° 17' 30"					F-48-93-B-a
tổ dân phố Trung Hưng 1	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 12"	106° 17' 03"					F-48-93-B-a
tổ dân phố Trung Hưng 2	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 12"	106° 16' 53"					F-48-93-B-a
tổ dân phố Trung Hưng 3	DC	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 16"	106° 16' 50"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	KX	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư	20° 26' 31"	106° 17' 26"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 463	KX	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư			20° 26' 11"	106° 16' 45"	20° 21' 38"	106° 17' 43"	F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	TT. Vũ Thư	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
thôn Bách Tính	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 24' 53"	106° 13' 30"					F-48-93-A-b
thôn Bình Minh	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 25' 52"	106° 13' 37"					F-48-93-A-b
thôn Chiến Thắng	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 25' 34"	106° 13' 25"					F-48-93-A-b
thôn Liên Hồng	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 25' 50"	106° 12' 54"					F-48-93-A-b
thôn Thuận Nghiệp	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 24' 48"	106° 14' 21"					F-48-93-A-b
thôn Thuận Tân	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 25' 56"	106° 16' 12"					F-48-93-A-b
thôn Thượng Xuân	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 26' 13"	106° 13' 01"					F-48-93-A-b
thôn Tiền Phong	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 24' 55"	106° 14' 11"					F-48-93-A-b
thôn Toàn Thắng	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 25' 11"	106° 13' 50"					F-48-93-A-b
thôn Trung Hòa	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 25' 22"	106° 13' 00"					F-48-93-A-b
Xóm Đông	DC	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 24' 40"	106° 14' 03"					F-48-93-A-b
chùa Từ Vân	KX	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 26' 01"	106° 13' 31"					F-48-93-A-b
Khu di tích đình, chùa Bách Tính	KX	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 24' 55"	106° 13' 49"					F-48-93-A-b
tuyến đò Bách Tính	KX	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 24' 30"	106° 13' 35"					F-48-93-A-b
tuyến đò Thuận Nghiệp	KX	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 24' 24"	106° 14' 09"					F-48-93-A-b
tuyến đò Thuận Vi	KX	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 25' 14"	106° 12' 40"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường chi 2 họ Phạm Văn	KX	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 24' 52"	106° 14' 20"					F-48-93-A-b
từ đường họ Trịnh tộc	KX	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 25' 24"	106° 13' 45"					F-48-93-A-b
từ đường Nguyễn Kim Nho	KX	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư	20° 25' 29"	106° 13' 34"					F-48-93-A-b
Sông Hồng	TV	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-b
sông Kiến Giang	TV	xã Bách Thuận	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-A-b
thôn Dũng Thúy Hạ	DC	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư	20° 27' 02"	106° 13' 45"					F-48-93-A-b
thôn Dũng Thượng	DC	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư	20° 27' 59"	106° 14' 49"					F-48-93-A-b
thôn Trà Động	DC	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư	20° 27' 07"	106° 14' 02"					F-48-93-A-b
thôn Vô Thái	DC	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư	20° 27' 06"	106° 14' 15"					F-48-93-A-b
chùa Vân Quán	KX	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư	20° 27' 53"	106° 14' 41"					F-48-93-A-b
Chợ Ngại	KX	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư	20° 27' 09"	106° 14' 16"					F-48-93-A-b
đình Dũng Thúy Hạ	KX	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư	20° 27' 02"	106° 13' 43"					F-48-93-A-b
đình Dũng Thượng	KX	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư	20° 28' 04"	106° 14' 48"					F-48-93-A-b
đình Vô Thái	KX	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư	20° 26' 59"	106° 14' 10"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-A-b
Sông Hồng	TV	xã Dũng Nghĩa	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-b
khu dân cư Đề Thám	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 53"	106° 16' 10"					F-48-93-B-c
khu dân cư Hồng Đức	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 20' 53"	106° 17' 37"					F-48-93-B-c
khu dân cư Nam Long	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 20' 39"	106° 17' 01"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Nam Tân	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 20' 26"	106° 16' 36"					F-48-93-B-c
khu dân cư Tây Thành	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 46"	106° 15' 54"					F-48-93-B-c
khu dân cư Trung Lang	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 26"	106° 16' 21"					F-48-93-B-c
khu dân cư Trung Long	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 26"	106° 17' 01"					F-48-93-B-c
thôn Dũng Nghĩa	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 23"	106° 17' 43"					F-48-93-B-c
thôn Dũng Nhuệ	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 09"	106° 17' 43"					F-48-93-B-c
thôn Đức Long	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 33"	106° 17' 18"					F-48-93-B-c
thôn Hành Dũng Nghĩa	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 34"	106° 17' 42"					F-48-93-B-c
thôn Minh Hồng	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 20' 53"	106° 17' 12"					F-48-93-B-c
thôn Thiện Long	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 20' 37"	106° 17' 07"					F-48-93-B-c
thôn Trường Xuân	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 53"	106° 16' 19"					F-48-93-B-c
thôn Văn Lang	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 35"	106° 16' 39"					F-48-93-B-c
thôn Văn Lâm	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 20' 46"	106° 16' 39"					F-48-93-B-c
thôn Văn Thái	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 41"	106° 15' 57"					F-48-93-B-c
xóm Cộng Hòa	DC	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 33"	106° 18' 14"					F-48-93-B-c
Cầu Keo	KX	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 38"	106° 17' 39"					F-48-93-B-c
Chùa Keo	KX	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 43"	106° 17' 43"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 463	KX	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư			20° 26' 11"	106° 16' 45"	20° 21' 38"	106° 17' 43"	F-48-93-B-c
tuyến đò Quán Các	KX	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 22' 17"	106° 16' 09"					F-48-93-B-c
tuyến đò Vũ Nghĩa	KX	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 20' 21"	106° 17' 24"					F-48-93-B-c
từ đường Nguyễn Doãn Cử	KX	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 19"	106° 17' 41"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường Phạm Lương Bật	KX	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư	20° 21' 49"	106° 16' 21"					F-48-93-B-c
sông Bồng Tiên	TV	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư			20° 21' 53"	106° 15' 59"	20° 23' 57"	106° 18' 59"	F-48-93-B-c
Sông Hồng	TV	xã Duy Nhất	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-c
thôn An Điện	DC	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 30' 37"	106° 11' 38"					F-48-81-C-d
thôn Đồng Đại 1	DC	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 30' 54"	106° 11' 54"					F-48-81-C-d
thôn Đồng Đại 2	DC	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 30' 46"	106° 12' 05"					F-48-81-C-d
thôn Đồng Đại 3	DC	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 30' 30"	106° 11' 51"					F-48-81-C-d
thôn Thanh Hương 1	DC	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 29' 51"	106° 11' 54"					F-48-93-A-b
thôn Thanh Hương 2	DC	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 29' 50"	106° 12' 06"					F-48-93-A-b, F-48-81-C-d
thôn Thanh Hương 3	DC	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 30' 03"	106° 11' 58"					F-48-81-C-d
cầu Tịnh Xuyên	KX	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 31' 03"	106° 12' 17"					F-48-81-C-d
chùa Phúc Sơn	KX	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 30' 31"	106° 11' 59"					F-48-81-C-d
chùa Thanh Hương	KX	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 30' 01"	106° 12' 07"					F-48-81-C-d
Đường tỉnh 454	KX	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-81-C-d
miếu Thánh Quận	KX	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư	20° 30' 11"	106° 12' 28"					F-48-81-C-d
sông Trà Lý	TV	xã Đồng Thanh	H. Vũ Thư			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-C-d
thôn An Để	DC	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 47"	106° 14' 20"					F-48-93-A-b
thôn Đức Hiệp	DC	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 25"	106° 14' 55"					F-48-93-A-b, F-48-93-B-a
thôn Phương Cáp	DC	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 39"	106° 14' 58"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Phương Cáp	KX	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 41"	106° 15' 01"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-A-b, F-48-93-B-a
tuyến đò Giống	KX	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 20"	106° 15' 08"					F-48-81-D-c
tuyến đò Hậu	KX	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư	20° 31' 02"	106° 14' 31"					F-48-81-C-d
từ đường Đỗ Duy Đê	KX	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 00"	106° 15' 17"					F-48-93-B-a
từ đường họ Đặng	KX	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 50"	106° 14' 28"					F-48-93-A-b
sông Trà Lý	TV	xã Hiệp Hòa	H. Vũ Thư			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-C-d, F-48-93-D-c
thôn Liên Thắng	DC	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 39"	106° 17' 02"					F-48-93-B-a
thôn Lộc Quý	DC	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 01"	106° 16' 13"					F-48-93-B-a
thôn Nẽ Châu	DC	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 10"	106° 16' 40"					F-48-93-B-a
thôn Ngũ Lão	DC	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 20"	106° 16' 47"					F-48-93-B-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 46"	106° 17' 02"					F-48-93-B-a
thôn Tây Hồ	DC	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 29"	106° 16' 56"					F-48-93-B-a
thôn Thắng Lợi	DC	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 43"	106° 16' 54"					F-48-93-B-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 48"	106° 17' 18"					F-48-93-B-a
thôn Trung Hồng	DC	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 24' 50"	106° 16' 30"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 463	KX	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư			20° 26' 11"	106° 16' 45"	20° 21' 38"	106° 17' 43"	F-48-93-B-a
miếu Hồng Ân	KX	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 53"	106° 17' 10"					F-48-93-B-a
miếu thờ Tiến sỹ Nguyễn Như Thức	KX	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 45"	106° 17' 04"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 10	KX	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-B-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	KX	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư	20° 25' 56"	106° 17' 11"					F-48-93-B-a
Sông Hồng	TV	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Hòa Bình	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
thôn Gia Lạc	DC	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 30' 07"	106° 11' 00"					F-48-81-C-d
thôn Hội Kê	DC	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 29' 30"	106° 11' 32"					F-48-93-A-b
thôn Phú Mỹ	DC	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 29' 52"	106° 11' 03"					F-48-93-A-b, F-48-81-C-d
thôn Thượng Hộ Bắc	DC	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 31' 04"	106° 11' 26"					F-48-81-C-d
thôn Thượng Hộ Nam	DC	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 30' 31"	106° 11' 05"					F-48-81-C-d
thôn Thượng Hộ Trung	DC	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 30' 48"	106° 11' 11"					F-48-81-C-d
đình Gia Lạc	KX	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 30' 08"	106° 11' 09"					F-48-81-C-d
đình Thượng Hộ	KX	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 30' 43"	106° 11' 12"					F-48-81-C-d
tuyến đò Hữu Bị	KX	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 29' 01"	106° 11' 01"					F-48-81-C-d
tuyến đò Thượng Hộ	KX	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư	20° 31' 14"	106° 11' 41"					F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-b, F-48-81-C-d
sông Trà Lý	TV	xã Hồng Lý	H. Vũ Thư			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-C-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 19' 57"	106° 16' 07"					F-48-93-B-c
thôn Kênh Đào	DC	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 20' 27"	106° 16' 17"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nghĩa Tường	DC	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 21' 26"	106° 15' 53"					F-48-93-B-c
thôn Phan Xá	DC	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 21' 09"	106° 15' 59"					F-48-93-B-c
thôn Tân Phong	DC	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 20' 54"	106° 16' 13"					F-48-93-B-c
thôn Thái Phú Đoài	DC	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 20' 43"	106° 15' 25"					F-48-93-B-c
thôn Thái Phú Thọ	DC	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 20' 26"	106° 15' 27"					F-48-93-B-c
thôn Tiền Phong	DC	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 20' 43"	106° 15' 59"					F-48-93-B-c
thôn Tương Đông	DC	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 20' 07"	106° 15' 40"					F-48-93-B-c
Khu di tích đình, chùa Tân Chi Phong	KX	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 20' 53"	106° 16' 11"					F-48-93-B-c
tuyến đò Thái Phú 2	KX	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư	20° 19' 58"	106° 15' 20"					F-48-93-B-c
sông Bồng Tiên	TV	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư			20° 21' 53"	106° 15' 59"	20° 23' 57"	106° 18' 59"	F-48-93-B-c
Sông Hồng	TV	xã Hồng Phong	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-c
Thôn Hội	DC	xã Minh Khai	H. Vũ Thư	20° 27' 40"	106° 16' 00"					F-48-93-B-a
Thôn Nội	DC	xã Minh Khai	H. Vũ Thư	20° 28' 03"	106° 16' 15"					F-48-93-B-a
thôn Khê Kiều	DC	xã Minh Khai	H. Vũ Thư	20° 26' 41"	106° 16' 16"					F-48-93-B-a
thôn Nguyệt Lãng	DC	xã Minh Khai	H. Vũ Thư	20° 28' 06"	106° 15' 41"					F-48-93-B-a
thôn Thọ Lộc	DC	xã Minh Khai	H. Vũ Thư	20° 27' 14"	106° 15' 46"					F-48-93-B-a
chùa Phượng Vũ	KX	xã Minh Khai	H. Vũ Thư	20° 27' 01"	106° 16' 10"					F-48-93-B-a
đền Phượng Vũ	KX	xã Minh Khai	H. Vũ Thư	20° 27' 01"	106° 16' 08"					F-48-93-B-a
Khu di tích đền, chùa Hạc (Khu di tích đền, chùa Khê Kiều)	KX	xã Minh Khai	H. Vũ Thư	20° 26' 47"	106° 16' 17"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đình Hội	KX	xã Minh Khai	H. Vũ Thư	20° 27' 31"	106° 15' 55"					F-48-93-B-a
Quốc lộ 10	KX	xã Minh Khai	H. Vũ Thư			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-B-a
làng Nội Hoành	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 50"	106° 16' 20"					F-48-93-B-a
làng Nội Nha	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 47"	106° 16' 28"					F-48-93-B-a
làng Thanh Long	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 59"	106° 16' 10"					F-48-93-B-a
thôn Bùi Xá	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 41"	106° 16' 15"					F-48-93-B-a
thôn Lại Xá	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 37"	106° 17' 23"					F-48-93-B-a
thôn Phù Lôi	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 46"	106° 16' 07"					F-48-93-B-a
thôn Suý Hãng	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 11"	106° 16' 49"					F-48-93-B-a
thôn Thanh Nội	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 52"	106° 16' 17"					F-48-93-B-a
thôn Thanh Trai	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 35"	106° 16' 34"					F-48-93-B-a
thôn Trung Nha	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 17"	106° 16' 56"					F-48-93-B-a
Xóm Trại	DC	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 30"	106° 16' 59"					F-48-93-B-a
cầu Lại Xá	KX	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 33"	106° 17' 38"					F-48-93-B-a
Khu di tích đình, miếu Hoành	KX	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 46"	106° 16' 19"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
làng nghề Thêu Minh Lãng	KX	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 43"	106° 16' 15"					F-48-93-B-a
Miếu Giai	KX	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 47"	106° 16' 47"					F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Minh Lãng	H. Vũ Thư			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
thôn Huyền Sỹ	DC	xã Minh Quang	H. Vũ Thư	20° 27' 13"	106° 17' 22"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn La Nguyễn	DC	xã Minh Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 47"	106° 16' 57"					F-48-93-B-a
thôn La Uyên	DC	xã Minh Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 25"	106° 16' 50"					F-48-93-B-a
thôn Minh Quàn	DC	xã Minh Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 31"	106° 17' 37"					F-48-93-B-a
thôn Trực Nho	DC	xã Minh Quang	H. Vũ Thư	20° 27' 27"	106° 16' 37"					F-48-93-B-a
cầu La Uyên	KX	xã Minh Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 12"	106° 16' 28"					F-48-93-B-a
đình Huyền Sỹ	KX	xã Minh Quang	H. Vũ Thư	20° 27' 11"	106° 17' 17"					F-48-93-B-a
đình La Uyên	KX	xã Minh Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 26"	106° 16' 55"					F-48-93-B-a
miếu Huyền Sỹ	KX	xã Minh Quang	H. Vũ Thư	20° 27' 16"	106° 17' 17"					F-48-93-B-a
Quốc lộ 10	KX	xã Minh Quang	H. Vũ Thư			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Minh Quang	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
thôn Hoàng Xá	DC	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư	20° 23' 44"	106° 17' 31"					F-48-93-B-a
thôn Kiến Xá	DC	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư	20° 24' 21"	106° 17' 41"					F-48-93-B-a
thôn Ngô Xá	DC	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư	20° 24' 22"	106° 17' 05"					F-48-93-B-a
Thôn Thái	DC	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư	20° 23' 25"	106° 17' 52"					F-48-93-B-a
xóm Đông Hợp	DC	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư	20° 23' 22"	106° 18' 15"					F-48-93-B-a
Khu di tích đình, chùa Ngô Xá	KX	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư	20° 24' 21"	106° 17' 02"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 463	KX	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư			20° 26' 11"	106° 16' 45"	20° 21' 38"	106° 17' 43"	F-48-93-B-a
từ đường Hoàng Công Chất	KX	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư	20° 23' 42"	106° 17' 39"					F-48-93-B-a
từ đường Nguyễn Xuân Huyên	KX	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư	20° 23' 30"	106° 17' 53"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường Phạm Tư Trực	KX	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư	20° 23' 49"	106° 17' 27"					F-48-93-B-a
sông Bồng Tiên	TV	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư			20° 21' 53"	106° 15' 59"	20° 23' 57"	106° 18' 59"	F-48-93-B-a
sông Ngô Xá	TV	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư			20° 23' 59"	106° 17' 01"	20° 24' 23"	106° 20' 08"	F-48-93-B-a
Sông Hồng	TV	xã Nguyên Xá	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-a
thôn Bắc Hưng	DC	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 30' 18"	106° 19' 09"					F-48-81-D-c
thôn Đồng Đức	DC	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 29' 30"	106° 18' 01"					F-48-93-B-a
thôn Hữu Hương	DC	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 29' 39"	106° 17' 35"					F-48-93-B-a
thôn Phúc Trung Bắc	DC	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 29' 49"	106° 18' 01"					F-48-93-B-a
thôn Phúc Trung Nam	DC	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 29' 40"	106° 18' 06"					F-48-93-B-a
thôn Tân Hương	DC	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 30' 10"	106° 18' 41"					F-48-81-D-c
thôn Tân Thành	DC	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 30' 31"	106° 17' 44"					F-48-81-D-c
thôn Tây Tiến	DC	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 30' 31"	106° 17' 26"					F-48-81-D-c
Đường huyện 8	KX	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư			20° 28' 32"	106° 17' 42"	20° 30' 40"	106° 17' 55"	F-48-93-B-a, F-48-81-D-c
tuyến đò Cống Vực	KX	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 30' 47"	106° 17' 43"					F-48-81-D-c
từ Đồng Đức	KX	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư	20° 29' 27"	106° 17' 57"					F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Phúc Thành	H. Vũ Thư			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a, F-48-81-D-c
thôn An Phúc	DC	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 24' 37"	106° 17' 46"					F-48-93-B-a
thôn Gián Nghị	DC	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 25' 17"	106° 17' 59"					F-48-93-B-a
thôn Gia Hội	DC	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 24' 58"	106° 17' 41"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kiều Thần	DC	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 25' 04"	106° 18' 12"					F-48-93-B-a
thôn Lam Sơn	DC	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 24' 56"	106° 17' 30"					F-48-93-B-a
thôn Quý Sơn	DC	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 25' 03"	106° 17' 55"					F-48-93-B-a
thôn Tân An	DC	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 26' 11"	106° 17' 46"					F-48-93-B-a
thôn Tân Minh	DC	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 26' 10"	106° 18' 35"					F-48-93-B-a
Đền Sáo	KX	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 25' 01"	106° 18' 09"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 463	KX	xã Song An	H. Vũ Thư			20° 26' 11"	106° 16' 45"	20° 21' 38"	106° 17' 43"	F-48-93-B-a
miếu Họ Đinh	KX	xã Song An	H. Vũ Thư	20° 25' 01"	106° 18' 08"					F-48-93-B-a
Quốc lộ 10	KX	xã Song An	H. Vũ Thư			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Song An	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
thôn An Lợi	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 57"	106° 15' 20"					F-48-93-B-a
Thôn Ba	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 24"	106° 15' 46"					F-48-93-B-a
Thôn Hội	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 49"	106° 15' 19"					F-48-93-B-a
thôn Nam Hưng	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 41"	106° 16' 03"					F-48-93-B-a
thôn Phú Mãn	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 32"	106° 16' 24"					F-48-93-B-a
Thôn Trung	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 13"	106° 15' 30"					F-48-93-B-a
thôn Văn Lãng	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 29"	106° 15' 02"					F-48-93-A-b, F-48-93-B-a
xóm Bạch Mã	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 29"	106° 15' 57"					F-48-93-B-a
xóm Công Song	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 26"	106° 15' 40"					F-48-93-B-a
xóm Đông Hưng	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 54"	106° 15' 58"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nam Sơn	DC	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 41"	106° 16' 07"					F-48-93-B-a
chùa Phúc Thắng	KX	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 48"	106° 15' 13"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Song Lãng	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
lăng mộ Tiến sĩ Doãn Khuê, Doãn Uẩn	KX	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 30"	106° 15' 37"					F-48-93-B-a
từ đường Doãn Uẩn	KX	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 50"	106° 15' 15"					F-48-93-B-a
từ đường họ Đỗ Đô	KX	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 28' 52"	106° 15' 15"					F-48-93-B-a
từ đường Tiến sĩ Doãn Khuê	KX	xã Song Lãng	H. Vũ Thư	20° 29' 21"	106° 15' 47"					F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Song Lãng	H. Vũ Thư			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a, F-48-93-D-c
thôn Hòa Bình	DC	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 27' 35"	106° 15' 10"					F-48-93-B-a
thôn Hợp Tiến	DC	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 19"	106° 14' 40"					F-48-93-A-b
thôn Nghĩa Khê	DC	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 52"	106° 14' 38"					F-48-93-A-b
thôn Thượng Điền	DC	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 21"	106° 15' 23"					F-48-93-B-a
thôn Vô Ngại	DC	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 27' 15"	106° 14' 41"					F-48-93-A-b
Cầu Nhì	KX	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 18"	106° 14' 40"					F-48-93-A-b
cầu Thượng Điền	KX	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 14"	106° 15' 28"					F-48-93-B-a
Khu di tích đình, đền Thượng Điền	KX	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 23"	106° 15' 18"					F-48-93-B-a
Miếu Bà	KX	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 27' 01"	106° 14' 42"					F-48-93-A-b
Miếu Ông	KX	xã Tam Quang	H. Vũ Thư	20° 26' 44"	106° 14' 53"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 10	KX	xã Tam Quang	H. Vũ Thư			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-A-b, F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Tam Quang	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-A-b, F-48-93-B-a
thôn Đại Đồng	DC	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 28' 48"	106° 17' 53"					F-48-93-B-a
thôn Đại Hội	DC	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 28' 08"	106° 18' 13"					F-48-93-B-a
thôn Nam Bi	DC	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 27' 57"	106° 17' 45"					F-48-93-B-a
thôn Nhật Tân	DC	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 27' 33"	106° 17' 54"					F-48-93-B-a
thôn Thọ Bi	DC	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 28' 40"	106° 18' 09"					F-48-93-B-a
thôn Tường An	DC	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 08"	106° 17' 53"					F-48-93-B-a
cầu Lại Xá	KX	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 28' 33"	106° 17' 38"					F-48-93-B-a
đình Đại Đồng	KX	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 28' 45"	106° 17' 52"					F-48-93-B-a
đình Tường An	KX	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 02"	106° 17' 54"					F-48-93-B-a
Đường huyện 8	KX	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư			20° 28' 32"	106° 17' 42"	20° 30' 40"	106° 17' 55"	F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 28' 44"	106° 17' 49"					F-48-93-B-a
Khu di tích lăng, miếu Đại Đồng	KX	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 28' 41"	106° 17' 59"					F-48-93-B-a
từ đường họ Đỗ Đức chi 6	KX	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư	20° 28' 47"	106° 17' 47"					F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Tân Hòa	H. Vũ Thư			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a
thôn Bổng Điền Bắc	DC	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 26' 31"	106° 13' 40"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bổng Điền Nam	DC	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 26' 07"	106° 13' 44"					F-48-93-A-b
thôn Tăng Bổng	DC	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 25' 06"	106° 14' 40"					F-48-93-A-b
thôn Tân Đệ	DC	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 26' 18"	106° 13' 31"					F-48-93-A-b
thôn Trà Khê	DC	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 25' 08"	106° 14' 56"					F-48-93-A-b, F-48-93-B-a
thôn Việt Phong	DC	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 25' 55"	106° 14' 32"					F-48-93-A-b
xóm Đông An	DC	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 27' 20"	106° 13' 31"					F-48-93-A-b
Cầu Nhất	KX	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 26' 20"	106° 14' 14"					F-48-93-A-b
cầu Tân Đệ	KX	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 26' 41"	106° 13' 01"					F-48-93-A-b
chùa Phúc Tâm	KX	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 27' 18"	106° 13' 35"					F-48-93-A-b
Khu di tích đền, chùa Tăng Bổng	KX	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 25' 39"	106° 14' 19"					F-48-93-A-b
Khu di tích đình, đền Bổng Điền	KX	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 26' 12"	106° 13' 21"					F-48-93-A-b
đình Ngoài Trà Khê	KX	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 24' 46"	106° 15' 02"					F-48-93-B-a
đình Tăng Bổng	KX	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 25' 11"	106° 14' 39"					F-48-93-A-b
đình Trong Trà Khê	KX	xã Tân Lập	H. Vũ Thư	20° 25' 11"	106° 14' 50"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Tân Lập	H. Vũ Thư			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-A-b
sông Kiến Giang	TV	xã Tân Lập	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-A-b
Sông Hồng	TV	xã Tân Lập	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-b, F-48-93-B-a
thôn Mễ Sơn 1	DC	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 29' 46"	106° 19' 36"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mễ Sơn 2	DC	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 29' 58"	106° 19' 33"					F-48-93-B-a, F-48-81-D-c
thôn Ô Mễ 1	DC	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 28' 34"	106° 18' 33"					F-48-93-B-a
thôn Ô Mễ 2	DC	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 28' 30"	106° 18' 41"					F-48-93-B-a
thôn Ô Mễ 3	DC	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 28' 38"	106° 18' 47"					F-48-93-B-a
thôn Ô Mễ 4	DC	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 28' 45"	106° 18' 37"					F-48-93-B-a
thôn Thụy Bình	DC	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 28' 48"	106° 18' 29"					F-48-93-B-a
Chợ Mễ	KX	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 28' 27"	106° 18' 31"					F-48-93-B-a
đình Ô Mễ	KX	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 28' 46"	106° 18' 45"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Tân Phong	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
lăng mộ Tiến sĩ Lại Mẫn	KX	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 29' 06"	106° 18' 21"					F-48-93-B-a
từ đường Tiến sĩ Lại Mẫn	KX	xã Tân Phong	H. Vũ Thư	20° 28' 46"	106° 18' 41"					F-48-93-B-a
sông Trà Lý	TV	xã Tân Phong	H. Vũ Thư			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-93-B-a, F-48-81-D-c
thôn An Lạc	DC	xã Trung An	H. Vũ Thư	20° 23' 32"	106° 18' 46"					F-48-93-B-a
thôn An Lộc	DC	xã Trung An	H. Vũ Thư	20° 24' 39"	106° 18' 48"					F-48-93-B-a
thôn Bồn Thôn	DC	xã Trung An	H. Vũ Thư	20° 24' 07"	106° 18' 43"					F-48-93-B-a
thôn Lang Trung	DC	xã Trung An	H. Vũ Thư	20° 25' 17"	106° 18' 30"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 463	KX	xã Trung An	H. Vũ Thư			20° 26' 11"	106° 16' 45"	20° 21' 38"	106° 17' 43"	F-48-93-B-a
sông Bồng Tiên	TV	xã Trung An	H. Vũ Thư			20° 21' 53"	106° 15' 59"	20° 23' 57"	106° 18' 59"	F-48-93-B-a
sông Ngô Xá	TV	xã Trung An	H. Vũ Thư			20° 23' 59"	106° 17' 01"	20° 24' 23"	106° 20' 08"	F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bắc Sơn	DC	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 26' 16"	106° 15' 42"					F-48-93-B-a
thôn Đại An	DC	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 24' 45"	106° 15' 53"					F-48-93-B-a
thôn Đông An	DC	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 26' 01"	106° 15' 54"					F-48-93-B-a
thôn Kiều Mộc	DC	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 26' 09"	106° 14' 51"					F-48-93-A-b, F-48-93-B-a
thôn Nam Long	DC	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 25' 53"	106° 15' 51"					F-48-93-B-a
thôn Phú Lễ	DC	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 25' 32"	106° 15' 15"					F-48-93-B-a
thôn Phú Lễ I	DC	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 25' 24"	106° 16' 09"					F-48-93-B-a
thôn Phú Lễ Thượng	DC	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 25' 33"	106° 16' 13"					F-48-93-B-a
thôn Phù Sa	DC	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 25' 03"	106° 15' 12"					F-48-93-B-a
cầu Thượng Điền	KX	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 26' 14"	106° 15' 28"					F-48-93-B-a
cầu Tự Tân	KX	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 26' 13"	106° 15' 36"					F-48-93-B-a
chùa Đại An	KX	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 24' 52"	106° 15' 53"					F-48-93-B-a
Khu di tích đình, chùa La Điền	KX	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 26' 02"	106° 15' 38"					F-48-93-B-a
đình Phú Lễ	KX	xã Tự Tân	H. Vũ Thư	20° 25' 35"	106° 16' 00"					F-48-93-B-a
Quốc lộ 10	KX	xã Tự Tân	H. Vũ Thư			20° 39' 41"	106° 26' 16"	20° 26' 41"	106° 13' 01"	F-48-93-B-a
Sông Hồng	TV	xã Tự Tân	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Tự Tân	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
thôn Hương Điền	DC	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 27' 55"	106° 13' 38"					F-48-93-A-b
thôn Lộc Điền	DC	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 29' 00"	106° 13' 40"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mỹ Bổng	DC	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 27' 35"	106° 13' 51"					F-48-93-A-b
thôn Mỹ Lộc 1	DC	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 28' 23"	106° 13' 37"					F-48-93-A-b
thôn Mỹ Lộc 2	DC	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 28' 18"	106° 13' 50"					F-48-93-A-b
thôn Mỹ Lộc 3	DC	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 28' 23"	106° 13' 57"					F-48-93-A-b
thôn Phú Chử	DC	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 29' 07"	106° 12' 54"					F-48-93-A-b
Chợ Búng	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 28' 32"	106° 13' 32"					F-48-93-A-b
Đình Đông	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 29' 03"	106° 13' 11"					F-48-93-A-b
đình Hương Điền	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 27' 58"	106° 13' 32"					F-48-93-A-b
đình Mỹ Bổng	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 27' 35"	106° 13' 53"					F-48-93-A-b
đình Mỹ Lộc	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 28' 20"	106° 13' 42"					F-48-93-A-b
đình Phủ Mỹ Cơ	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 29' 06"	106° 12' 14"					F-48-93-A-b
lăng mộ Bà Quế Hoa	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 27' 55"	106° 13' 33"					F-48-93-A-b
miếu Lộc Điền	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 28' 54"	106° 13' 28"					F-48-93-A-b
miếu Phú Chử	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 29' 14"	106° 12' 38"					F-48-93-A-b
tuyến đò Búng	KX	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư	20° 28' 14"	106° 13' 19"					F-48-93-A-b
Sông Hồng	TV	xã Việt Hùng	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-b
thôn Bình Chính	DC	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 23' 03"	106° 20' 27"					F-48-93-B-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 23' 26"	106° 20' 21"					F-48-93-B-a
thôn Hợp Long	DC	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 23' 28"	106° 19' 59"					F-48-93-B-a
thôn Thái Hạc	DC	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 22' 48"	106° 20' 40"					F-48-93-B-a
thôn Thuận An	DC	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 23' 02"	106° 20' 08"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trung Hòa	DC	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 23' 25"	106° 19' 31"					F-48-93-B-a
thôn Việt Cường	DC	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 23' 45"	106° 20' 37"					F-48-93-B-a
thôn Việt Hùng	DC	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 23' 54"	106° 19' 52"					F-48-93-B-a
thôn Việt Tiến	DC	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 23' 43"	106° 19' 13"					F-48-93-B-a
chùa Hộ Quốc	KX	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 22' 50"	106° 20' 19"					F-48-93-B-a
đình Thuận An	KX	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư	20° 23' 08"	106° 20' 06"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
sông Bồng Tiên	TV	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư			20° 21' 53"	106° 15' 59"	20° 23' 57"	106° 18' 59"	F-48-93-B-a
Sông Hồng	TV	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
sông Kiến Giang	TV	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
sông Ngô Xá	TV	xã Việt Thuận	H. Vũ Thư			20° 23' 59"	106° 17' 01"	20° 24' 23"	106° 20' 08"	F-48-93-B-a
Thôn 1	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 22' 15"	106° 18' 14"					F-48-93-B-c
Thôn 2	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 22' 06"	106° 18' 34"					F-48-93-B-c
Thôn 3	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 22' 15"	106° 18' 24"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
Thôn 4	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 22' 34"	106° 18' 36"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
Thôn 5	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 22' 50"	106° 18' 28"					F-48-93-B-a
Thôn 6	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 23' 08"	106° 17' 58"					F-48-93-B-a
Thôn 7	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 22' 42"	106° 18' 26"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 8	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 23' 10"	106° 18' 26"					F-48-93-B-a
Thôn 9	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 23' 04"	106° 18' 49"					F-48-93-B-a
Thôn 10	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 23' 01"	106° 19' 05"					F-48-93-B-a
Thôn 11	DC	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 23' 02"	106° 19' 27"					F-48-93-B-a
đình An Thái	KX	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 23' 13"	106° 18' 53"					F-48-93-B-a
đình Đông Đoài	KX	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư	20° 22' 56"	106° 18' 14"					F-48-93-B-a
sông Bồng Tiên	TV	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư			20° 21' 53"	106° 15' 59"	20° 23' 57"	106° 18' 59"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
Sông Hồng	TV	xã Vũ Đoài	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-c
thôn Bình An	DC	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 25' 03"	106° 21' 05"					F-48-93-B-a
thôn Đức Lân	DC	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 44"	106° 20' 51"					F-48-93-B-a
thôn Hiếu Thiện	DC	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 29"	106° 20' 25"					F-48-93-B-a
thôn Hưng Nhượng	DC	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 34"	106° 20' 53"					F-48-93-B-a
thôn Mỹ Am	DC	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 16"	106° 21' 11"					F-48-93-B-a
thôn Năng An	DC	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 49"	106° 21' 01"					F-48-93-B-a
thôn Năng Tĩnh	DC	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 57"	106° 21' 16"					F-48-93-B-a
thôn Phú Thứ	DC	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 25' 11"	106° 21' 13"					F-48-93-B-a
thôn Trung Lập	DC	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 55"	106° 20' 50"					F-48-93-B-a
cầu Cọi Khê	KX	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 19"	106° 21' 08"					F-48-93-B-a
Chùa Am	KX	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 15"	106° 21' 14"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường họ Nguyễn	KX	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư	20° 24' 53"	106° 20' 56"					F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
Sông Kìm	TV	xã Vũ Hội	H. Vũ Thư			20° 26' 57"	106° 21' 30"	20° 24' 32"	106° 21' 51"	F-48-93-B-a
thôn Bát Tiên	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 48"	106° 17' 24"					F-48-93-B-a
thôn Bồng Lai	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 29"	106° 16' 59"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
thôn Đông Tiên	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 23"	106° 17' 52"					F-48-93-B-c
thôn La Trạng	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 05"	106° 16' 52"					F-48-93-B-c
thôn Lục Tiên	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 23' 10"	106° 17' 43"					F-48-93-B-a
thôn Nam Tiên	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 23' 05"	106° 17' 35"					F-48-93-B-a
thôn Ngọc Tiên	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 28"	106° 17' 21"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
thôn Quần Tiên	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 09"	106° 17' 25"					F-48-93-B-c
thôn Song Thủy	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 21' 52"	106° 18' 19"					F-48-93-B-c
thôn Tân Toản	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 21"	106° 16' 42"					F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
thôn Văn Long	DC	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 46"	106° 17' 40"					F-48-93-B-a
đình Bồng Lai	KX	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 38"	106° 17' 02"					F-48-93-B-a
đình Bồng Tiên	KX	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 49"	106° 17' 18"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 463	KX	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư			20° 26' 11"	106° 16' 45"	20° 21' 38"	106° 17' 43"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
tuyến đò Bồng Lai	KX	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 47"	106° 16' 51"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tuyến đò Song Tiên	KX	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 21' 36"	106° 18' 57"					F-48-93-B-c
từ đường Trần Dương	KX	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 41"	106° 17' 22"					F-48-93-B-a
từ đường Trần Vĩnh Long	KX	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 35"	106° 16' 58"					F-48-93-B-a
từ đường Trần Xuân	KX	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư	20° 22' 31"	106° 17' 26"					F-48-93-B-a
sông Bồng Tiên	TV	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư			20° 21' 53"	106° 15' 59"	20° 23' 57"	106° 18' 59"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
Sông Hồng	TV	xã Vũ Tiến	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
thôn Nhân Bình	DC	xã Vũ Vân	H. Vũ Thư	20° 22' 17"	106° 21' 07"					F-48-93-B-c
thôn Quang Trung	DC	xã Vũ Vân	H. Vũ Thư	20° 21' 56"	106° 21' 19"					F-48-93-B-c
thôn Thái Sa	DC	xã Vũ Vân	H. Vũ Thư	20° 21' 22"	106° 22' 02"					F-48-93-B-c
thôn Tiền Phong	DC	xã Vũ Vân	H. Vũ Thư	20° 22' 42"	106° 21' 13"					F-48-93-B-a
thôn Việt Thắng	DC	xã Vũ Vân	H. Vũ Thư	20° 21' 45"	106° 21' 54"					F-48-93-B-c
Bệnh viện Phong Da liễu Văn Môn	KX	xã Vũ Vân	H. Vũ Thư	20° 21' 45"	106° 21' 36"					F-48-93-B-c
tuyến phà Sa Cao	KX	xã Vũ Vân	H. Vũ Thư	20° 22' 20"	106° 20' 34"					F-48-93-B-c
Sông Hồng	TV	xã Vũ Vân	H. Vũ Thư			20° 37' 44"	106° 07' 37"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-c, F-48-93-B-d
thôn Bộ La	DC	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 47"	106° 21' 11"					F-48-93-B-a
thôn Đông Vinh	DC	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 37"	106° 21' 50"					F-48-93-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nhân Hòa	DC	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 38"	106° 21' 22"					F-48-93-B-a
thôn Trung Hòa	DC	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 12"	106° 20' 50"					F-48-93-B-a
thôn Việt Tiến	DC	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 31"	106° 20' 58"					F-48-93-B-a
xóm Đại Đồng	DC	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 45"	106° 21' 16"					F-48-93-B-a
xóm Đồng Nhân	DC	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 31"	106° 21' 08"					F-48-93-B-a
xóm Phú Hòa	DC	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 08"	106° 21' 06"					F-48-93-B-a
xóm Tân Mỹ	DC	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 59"	106° 21' 01"					F-48-93-B-a
chùa Phúc Hải	KX	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 49"	106° 20' 57"					F-48-93-B-a
Đường tỉnh 454	KX	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-93-B-a
từ đường Dòng họ Lê Viết	KX	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư	20° 23' 21"	106° 20' 57"					F-48-93-B-a
sông Kiến Giang	TV	xã Vũ Vinh	H. Vũ Thư			20° 26' 25"	106° 12' 58"	20° 22' 53"	106° 33' 54"	F-48-93-B-a
thôn Cự Lâm	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 22"	106° 13' 03"					F-48-81-C-d
thôn Hương	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 35"	106° 13' 43"					F-48-81-C-d
thôn Hữu Lộc	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 34"	106° 13' 24"					F-48-81-C-d
thôn Phương Tảo 1	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 58"	106° 13' 37"					F-48-93-A-b
thôn Phương Tảo 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 53"	106° 13' 53"					F-48-81-C-d
thôn Thanh Bản 1	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 32"	106° 13' 02"					F-48-93-A-b
thôn Thanh Bản 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 37"	106° 12' 46"					F-48-93-A-b
thôn Thanh Bản 3	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 29' 42"	106° 12' 57"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Mỹ	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 02"	106° 13' 27"					F-48-81-C-d
xóm Quang Lê	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 38"	106° 13' 43"					F-48-81-C-d
xóm Tràng Lạc	DC	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 16"	106° 13' 57"					F-48-81-C-d
Đường tỉnh 454	KX	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư			20° 35' 23"	106° 13' 31"	20° 22' 39"	106° 20' 30"	F-48-81-C-d, F-48-93-A-b
miếu Hai Thôn	KX	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 12"	106° 14' 05"					F-48-81-C-d
miếu Hữu Lộc	KX	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 44"	106° 13' 16"					F-48-81-C-d
Miếu Hương	KX	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư	20° 30' 20"	106° 13' 43"					F-48-81-C-d
sông Trà Lý	TV	xã Xuân Hòa	H. Vũ Thư			20° 31' 11"	106° 10' 51"	20° 28' 00"	106° 36' 02"	F-48-81-C-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng